

# CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

LỘC CƠ HỘI TRONG NHIỀU ĐỘNG!

Tuần 05.10 – 09.10.2026



# Diễn biến TTCK Thế Giới

- TTCK Mỹ phân hóa trong tuần khi lợi suất cao gây áp lực trong khi nhóm công nghệ tiếp tục dẫn dắt
- Thị trường lao động Mỹ hạ nhiệt mạnh hơn dự kiến khiến kỳ vọng Fed tăng lãi suất tháng 10 giảm mạnh
- Lạm phát PCE Mỹ thấp hơn dự báo trong khi chi tiêu tiêu dùng tiếp tục duy trì ở mức cao
- Lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ rời đỉnh 24 năm nhưng vẫn duy trì ở mặt bằng cao
- Tăng trưởng GDP của Mỹ được điều chỉnh tăng mạnh
- G7 tăng nguồn cung dự phòng dầu thô trong khi đàm phán Mỹ - Iran chưa giải quyết rủi ro địa chính trị

# DIỄN BIẾN TTCK THẾ GIỚI

TTCK toàn cầu giảm điểm khi lợi suất trái phiếu Mỹ vượt đỉnh, giá dầu giảm trở lại

## Diễn biến thị trường chứng khoán toàn cầu

| Indexs          | Last           | Weekly        | YTD           | P/E          | P/B         |
|-----------------|----------------|---------------|---------------|--------------|-------------|
| S&P 500 Index   | 7,722.7        | -0.27%        | 12.81%        | 26.48        | 5.64        |
| Nasdaq Index    | 27,190.9       | 0.45%         | 16.99%        | 39.07        | 7.78        |
| Dow Jones       | 51,177.0       | -1.26%        | 6.48%         | 22.39        | 5.66        |
| Europe SXXP     | 631.4          | -1.14%        | 6.61%         | 16.66        | 2.40        |
| Nikkei 225      | 68,309.5       | 2.93%         | 35.70%        | 21.70        | 2.96        |
| CN-Shanghai     | 3,842.2        | -1.19%        | -3.19%        | 16.76        | 1.51        |
| Korea-Kospi     | 7,003.7        | -1.09%        | 66.20%        | 12.80        | 1.74        |
| HongKong        | 23,972.3       | -2.19%        | -6.47%        | 11.96        | 1.25        |
| <b>VN-Index</b> | <b>1,737.7</b> | <b>-2.66%</b> | <b>-2.62%</b> | <b>13.25</b> | <b>1.92</b> |
| Malaysia        | 1,630.9        | -2.44%        | -2.93%        | 14.17        | 1.52        |
| SET Index       | 1,571.6        | -2.24%        | 24.76%        | 14.88        | 1.46        |
| Indonesia       | 6,036.9        | -3.28%        | -30.18%       | 13.19        | 1.62        |
| Phillippines    | 5,629.0        | -3.38%        | -7.00%        | 8.43         | 1.15        |
| India           | 71,909.7       | -2.69%        | -15.62%       | 19.80        | 2.82        |
| WTI             | 91.1           | -1.41%        | 58.67%        |              |             |
| Gold            | 4,141.2        | -3.35%        | -4.13%        |              |             |
| Bitcoin         | 84,436.9       | 0.68%         | -3.66%        |              |             |



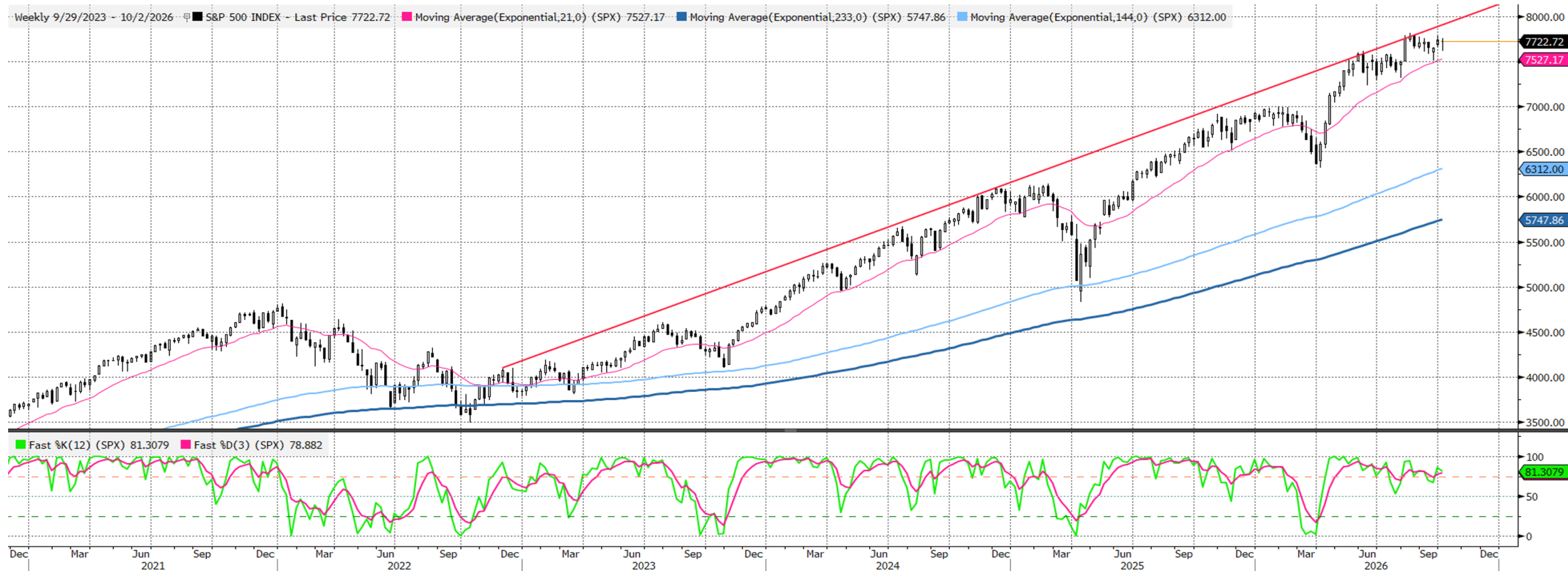
Nguồn: bloomberg

## Toàn cảnh thông tin tác động đến diễn biến TTCK thế giới trong tuần qua

- **TTCK Mỹ diễn biến trái chiều trong tuần khi lợi suất cao gây áp lực lên thị trường.** S&P 500 giảm 0,27% và Dow Jones giảm 1,26%, trong khi Nasdaq tăng 0,45% nhờ nhóm công nghệ. Cuối tuần, các chỉ số phục hồi mạnh sau báo cáo việc làm yếu hơn dự kiến làm giảm kỳ vọng Fed tăng lãi suất trong tháng 10.
- **Lạm phát PCE Mỹ thấp hơn kỳ vọng trong khi tiêu dùng duy trì mạnh.** PCE tháng 8 tăng 3,4% YoY và Core PCE tăng 3,0%, đều thấp hơn dự báo; trong khi chi tiêu cá nhân tăng 0,9% MoM, cho thấy nhu cầu tiêu dùng vẫn tích cực.
- **Niềm tin tiêu dùng Mỹ giảm mạnh do lo ngại về thị trường lao động.** Chỉ số Conference Board giảm từ 89,4 xuống 81,9 điểm trong tháng 9, thấp hơn dự báo 89,0 điểm; chỉ số kỳ vọng cũng giảm xuống 63,6 điểm.
- **Thị trường lao động Mỹ suy yếu mạnh hơn dự kiến trong tháng 9.** Nền kinh tế chỉ tạo thêm 29.000 việc làm, thấp xa dự báo 90.000; tỷ lệ thất nghiệp tăng từ 4,1% lên 4,2%, trong khi số liệu hai tháng trước bị điều chỉnh giảm tổng cộng 60.000 việc làm.
- **Hoạt động sản xuất Mỹ duy trì mở rộng nhưng áp lực chi phí đầu vào gia tăng.** ISM Manufacturing tháng 9 đạt 54,5 điểm; đơn hàng mới tăng lên 55,3 điểm trong khi Prices Paid tăng mạnh từ 71,1 lên 77,9 điểm.
- **Kỳ vọng Fed tăng lãi suất tháng 10 giảm mạnh sau báo cáo việc làm.** Dữ liệu lao động yếu hơn dự kiến củng cố khả năng Fed giữ nguyên lãi suất tại cuộc họp 27–28/10, dù khả năng tiếp tục thắt chặt vào tháng 12 vẫn còn do áp lực lạm phát.
- **Lợi suất TPCP Mỹ tăng lên vùng cao nhất nhiều thập kỷ trước khi hạ nhiệt cuối tuần.** Lợi suất Treasury 10 năm có thời điểm chạm 5,34%, cao nhất kể từ năm 2002, khi giá năng lượng và rủi ro lạm phát thúc đẩy kỳ vọng lãi suất duy trì ở mức cao.
- **Đồng Dollar mạnh lên nhờ lợi suất TPCP Mỹ duy trì ở mức cao.** DXY tiến lên vùng cao nhất khoảng 17 tháng khi chênh lệch lợi suất hỗ trợ USD, trong khi đồng EUR chịu thêm sức ép từ giá năng lượng và rủi ro tài khóa tại châu Âu.
- **G7 tiếp tục giải phóng dự trữ dầu nhằm hạ nhiệt giá năng lượng.** G7 thống nhất giải phóng tối đa 100 triệu thùng dầu thô và sản phẩm lọc dầu trong 4 tháng, ưu tiên nguồn cung diesel trong giai đoạn đầu nhằm ứng phó tình trạng thiếu hụt do căng thẳng Trung Đông. Động thái này giúp giá dầu hạ nhiệt, dù Brent vẫn đóng cửa trên 102 USD/thùng do rủi ro nguồn cung chưa hoàn toàn được giải tỏa.
- **Thị trường trái phiếu toàn cầu chịu áp lực bán mạnh khi kỳ vọng lãi suất thay đổi.** Giá năng lượng cao và áp lực lạm phát khiến lợi suất tại nhiều nền kinh tế lớn tăng mạnh; riêng lợi suất Treasury 2 năm của Mỹ tăng gần 60 điểm cơ bản trong tháng 9.
- **Lạm phát Tokyo tăng mạnh củng cố kỳ vọng BOJ tiếp tục nâng lãi suất.** CPI lõi Tokyo tháng 9 tăng 2,7% YoY, nhanh nhất 10 tháng và vượt mục tiêu 2% của BOJ; áp lực giá gia tăng do năng lượng và đồng Yen yếu.
- **Hoạt động sản xuất Trung Quốc quay trở lại vùng mở rộng trong tháng 9.** PMI sản xuất chính thức tăng lên 50,1 điểm sau hai tháng suy giảm, trong khi khảo sát tư nhân tăng lên 52,1 điểm nhờ sản lượng và đơn hàng mới cải thiện.
- **Lạm phát Eurozone tăng mạnh làm gia tăng kỳ vọng ECB tiếp tục nâng lãi suất.** CPI tháng 9 tăng 3,8% YoY từ 3,2% trong tháng 8, chủ yếu do giá năng lượng tăng, trong khi lạm phát lõi cũng nhích lên 2,5%. Áp lực giá quay trở lại có thể khiến ECB duy trì lập trường thắt chặt lâu hơn trong bối cảnh giá dầu vẫn ở mức cao.
- **Hoạt động sản xuất Eurozone tăng tốc lên mức cao nhất hơn 4 năm.** PMI sản xuất tháng 9 tăng từ 52,7 lên 52,9 điểm, đánh dấu tháng mở rộng thứ ba liên tiếp; chỉ số sản lượng tăng lên 53,6 điểm nhờ đơn hàng mới và xuất khẩu cải thiện. Tuy nhiên, chi phí đầu vào và giá bán cùng tăng nhanh hơn cho thấy áp lực lạm phát đang quay trở lại.

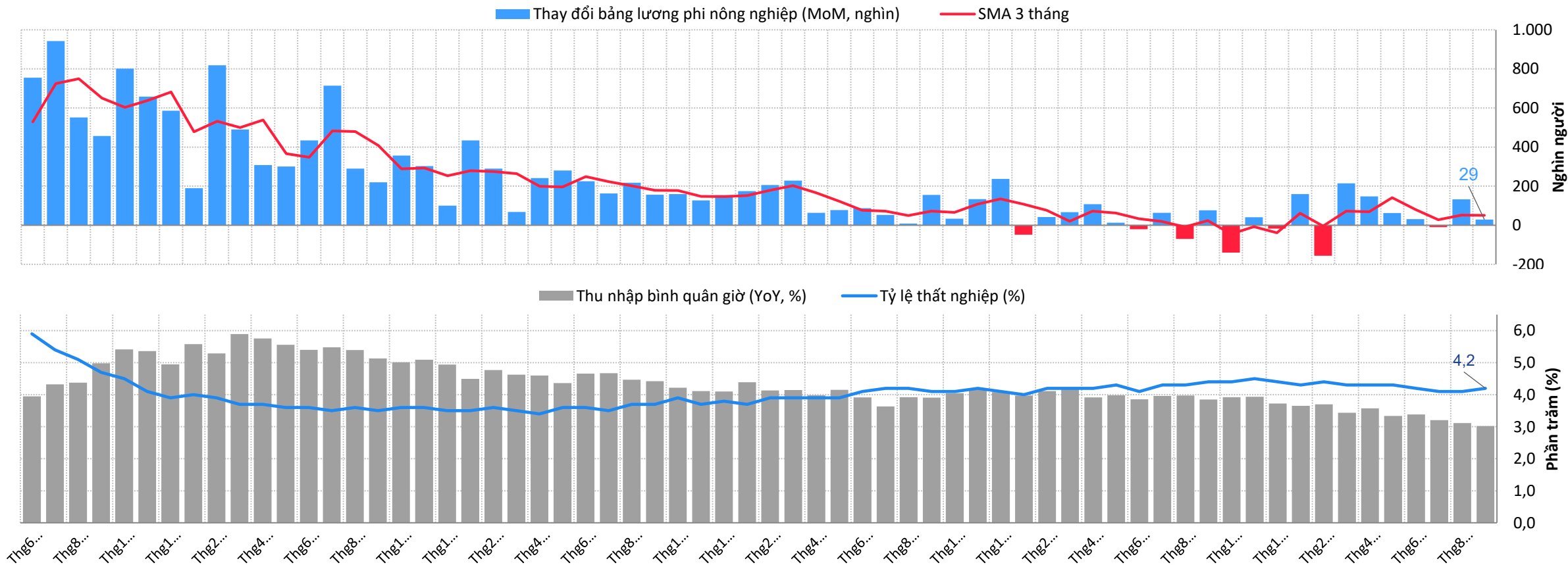
## TTCK Mỹ phân hóa trong tuần khi lợi suất cao gây áp lực trong khi nhóm công nghệ tiếp tục dẫn dắt

- TTCK Mỹ trải qua một tuần biến động mạnh khi lợi suất trái phiếu kho bạc tăng lên vùng cao nhất hơn hai thập kỷ và giá dầu Brent duy trì trên 100 USD/thùng. Áp lực tập trung trong nửa đầu tuần khi lợi suất Treasury tăng mạnh và căng thẳng Mỹ-Iran tiếp tục làm gia tăng lo ngại về giá năng lượng và lạm phát. Thị trường phục hồi về cuối tuần sau khi báo cáo việc làm tháng 9 thấp hơn đáng kể so với dự báo, qua đó làm giảm kỳ vọng Fed tiếp tục tăng lãi suất ngay trong tháng 10. Trong phiên cuối tuần, S&P 500 tăng 0,7%, Nasdaq tăng 1,2% và Dow Jones tăng 0,5%, trong đó Nasdaq có thời điểm lập mức cao mới trong phiên nhờ sự dẫn dắt của nhóm công nghệ.
- Tính chung cả tuần, các chỉ số vẫn phân hóa khi S&P 500 giảm 0,27% và Dow Jones giảm 1,26%, trong khi Nasdaq tăng 0,45%. Diễn biến này cho thấy nhóm công nghệ tiếp tục có sức chống chịu tốt hơn thị trường chung trong bối cảnh kỳ vọng tăng trưởng liên quan đến AI vẫn hỗ trợ các cổ phiếu vốn hóa lớn. Tuy nhiên, mặt bằng lợi suất dài hạn duy trì ở mức cao và giá năng lượng biến động mạnh tiếp tục hạn chế khả năng mở rộng định giá của thị trường. Trong ngắn hạn, diễn biến lợi suất Treasury, triển vọng chính sách của Fed và căng thẳng tại Trung Đông sẽ tiếp tục chi phối khẩu vị rủi ro.



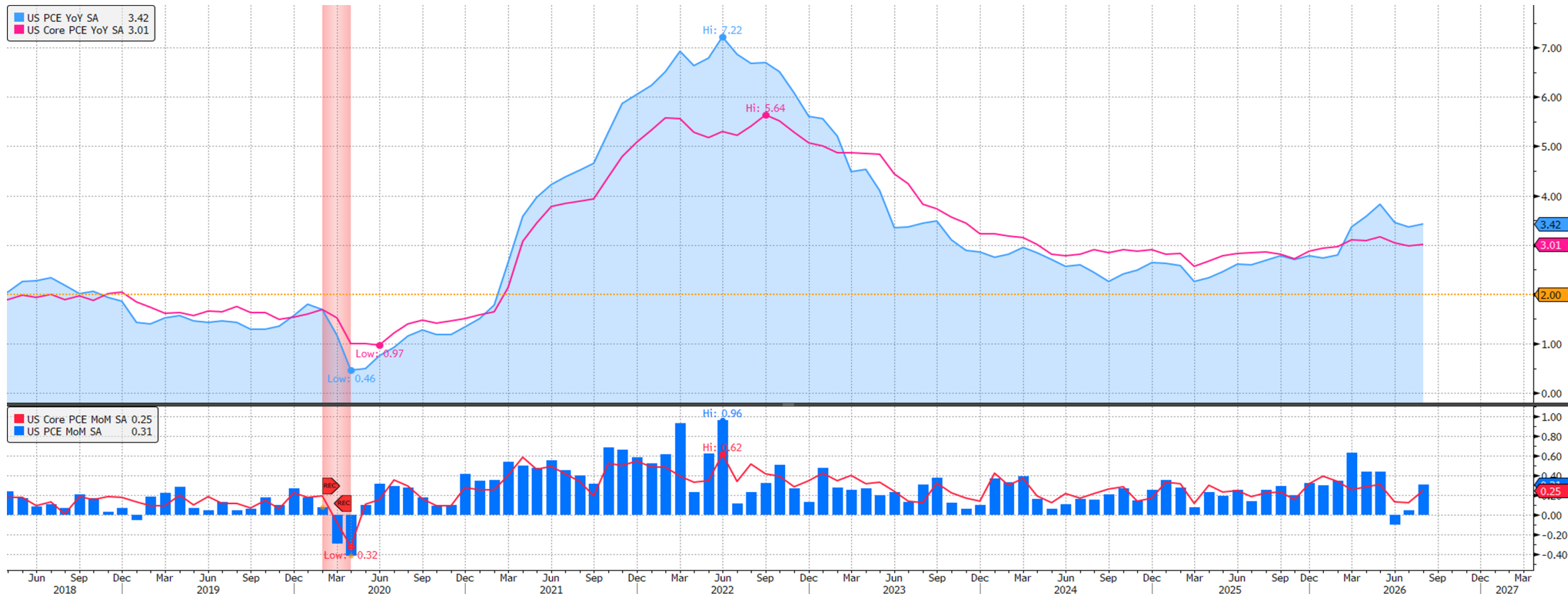
Thị trường lao động Mỹ hạ nhiệt mạnh hơn dự kiến khiến kỳ vọng Fed tăng lãi suất tháng 10 giảm mạnh

- Báo cáo việc làm tháng 9 cho thấy thị trường lao động Mỹ suy yếu rõ hơn dự kiến khi bảng lương phi nông nghiệp chỉ tăng 29.000 việc làm, thấp xa mức dự báo 90.000. Số liệu việc làm của hai tháng trước đồng thời bị điều chỉnh giảm tổng cộng 60.000 việc làm, trong khi tỷ lệ thất nghiệp tăng nhẹ từ 4,1% lên 4,2%. Tăng trưởng tiền lương bình quân cũng chậm lại còn khoảng 3,0% YoY, cho thấy nhu cầu lao động đang mất dần động lực. Tuy nhiên, mức tăng của tỷ lệ thất nghiệp còn tương đối hạn chế và chưa xuất hiện dấu hiệu sa thải diện rộng, cho thấy thị trường lao động đang chuyển sang trạng thái tuyển dụng chậm hơn thay vì suy giảm mạnh.
- Dữ liệu mới làm thay đổi đáng kể kỳ vọng chính sách tiền tệ khi Fed phải cân bằng giữa thị trường lao động hạ nhiệt và lạm phát vẫn cao hơn mục tiêu. Sau báo cáo NFP, thị trường giảm mạnh kỳ vọng Fed tiếp tục tăng lãi suất tại cuộc họp cuối tháng 10 và chuyển trọng tâm sang khả năng thắt chặt vào tháng 12. Tuy nhiên, một tháng dữ liệu việc làm yếu chưa đủ để xác nhận xu hướng suy giảm bền vững, đặc biệt khi tiêu dùng và hoạt động sản xuất vẫn duy trì tương đối tích cực. Các số liệu lao động tiếp theo vì vậy sẽ đóng vai trò quan trọng trong quyết định chính sách của Fed cuối năm.



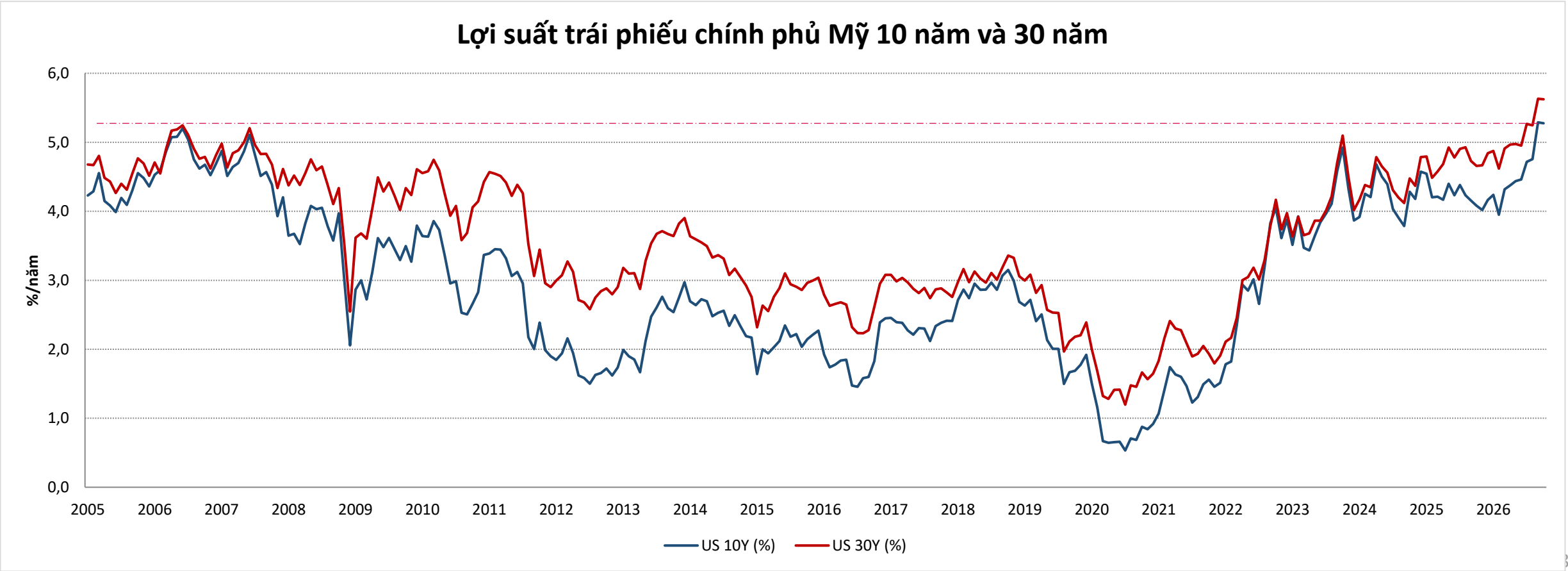
## Lạm phát PCE Mỹ thấp hơn dự báo trong khi chi tiêu tiêu dùng tiếp tục duy trì ở mức cao

- Chỉ số giá PCE tháng 8 tăng 0,3% MoM và 3,4% YoY, trong khi PCE lõi tăng 0,2% MoM và 3,0% YoY, thấp hơn kỳ vọng trước công bố. Kết quả này phần nào giảm bớt lo ngại Fed phải tiếp tục tăng lãi suất ngay trong tháng 10. Tuy nhiên, lạm phát lõi vẫn duy trì quanh 3%, cao đáng kể so với mục tiêu 2% của Fed, trong khi giá năng lượng cao tiếp tục tạo rủi ro đối với triển vọng giá cả trong những tháng tới. Số liệu PCE vì vậy giúp giảm bớt áp lực thắt chặt ngay lập tức nhưng chưa đủ để Fed chuyển sang lập trường nới lỏng.
- Ở phía cầu, tiêu dùng tiếp tục cho thấy sức chống chịu khi chi tiêu cá nhân tăng 0,9% MoM, trong đó chi tiêu thực sau điều chỉnh lạm phát tăng 0,6%, mức tăng mạnh nhất kể từ tháng 3/2025. Tuy nhiên, thu nhập cá nhân chỉ tăng 0,2%, thu nhập khả dụng thực gần như đi ngang và tỷ lệ tiết kiệm giảm xuống 4,1%. Thu nhập tăng chậm hơn chi tiêu cho thấy hộ gia đình đang sử dụng một phần tiết kiệm để hỗ trợ tiêu dùng. Sức cầu hộ gia đình vẫn là động lực quan trọng của kinh tế Mỹ trong ngắn hạn nhưng khả năng duy trì tốc độ hiện tại sẽ phụ thuộc nhiều hơn vào thu nhập và diễn biến thị trường lao động.



Lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ rời đỉnh 24 năm nhưng vẫn duy trì ở mặt bằng cao

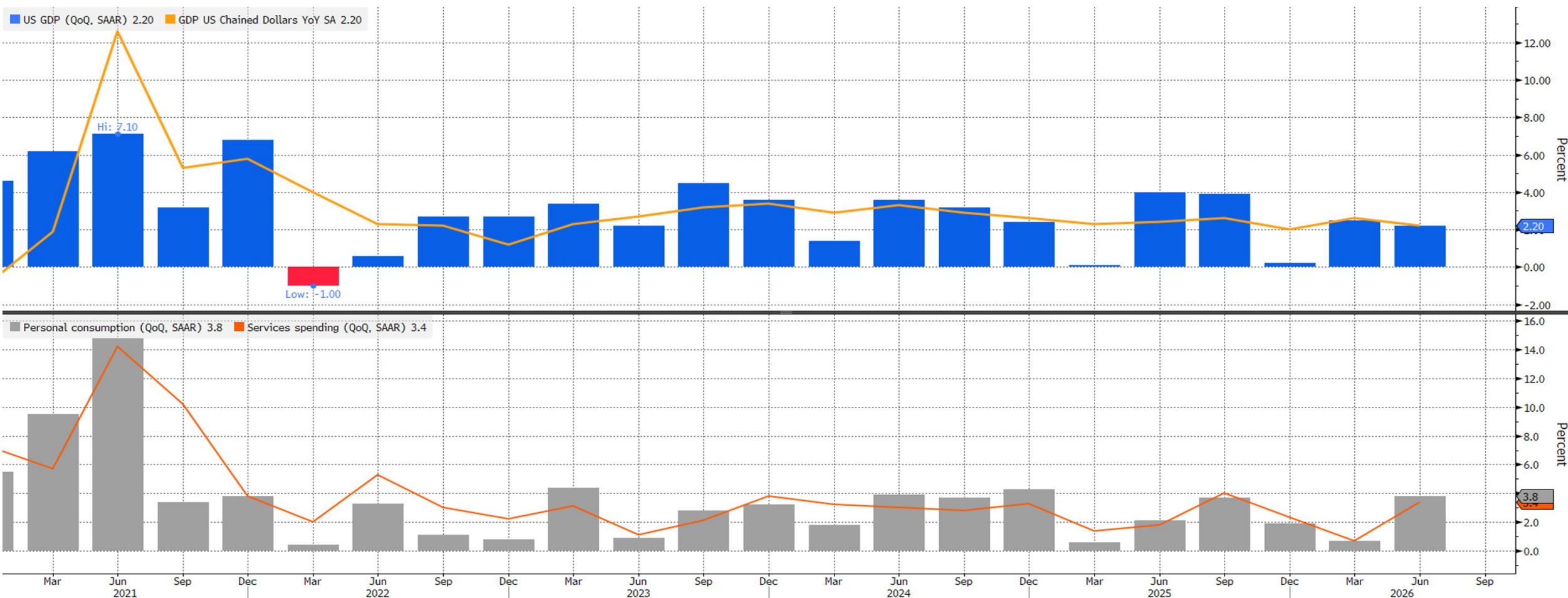
- Lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ tiếp tục là một trong những yếu tố chi phối thị trường tài chính trong tuần vừa qua. Lợi suất kỳ hạn 10 năm có thời điểm tăng lên khoảng 5,34%, mức cao nhất kể từ năm 2002, khi giá năng lượng duy trì ở mức cao và lo ngại lạm phát khiến nhà đầu tư tiếp tục định giá khả năng Fed duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt trong thời gian dài hơn. Áp lực bán tập trung ở các kỳ hạn dài trong bối cảnh lo ngại về triển vọng tài khóa và nợ công Mỹ làm gia tăng phần bù kỳ hạn. So với vùng 5,16–5,23% của tuần trước, mặt bằng lợi suất vì vậy tiếp tục được đẩy lên cao hơn.
- Đà tăng lợi suất giảm bớt về cuối tuần sau khi các quan chức Fed phát tín hiệu thận trọng hơn và báo cáo việc làm tháng 9 thấp hơn đáng kể so với dự báo. Lợi suất 10 năm rời mức đỉnh 5,34% nhưng vẫn kết tuần quanh vùng 5,2–5,3%, cho thấy thị trường trái phiếu mới chỉ điều chỉnh khỏi đỉnh chứ chưa hình thành xu hướng giảm rõ rệt. Trong bối cảnh lạm phát vẫn cao hơn mục tiêu và giá năng lượng tiếp tục biến động mạnh, mặt bằng lợi suất dài hạn cao có thể tiếp tục thắt chặt điều kiện tài chính và gây sức ép lên định giá các tài sản rủi ro trong thời gian tới.



# DIỄN BIẾN TTCK THẾ GIỚI

## Tăng trưởng GDP của Mỹ được điều chỉnh tăng mạnh

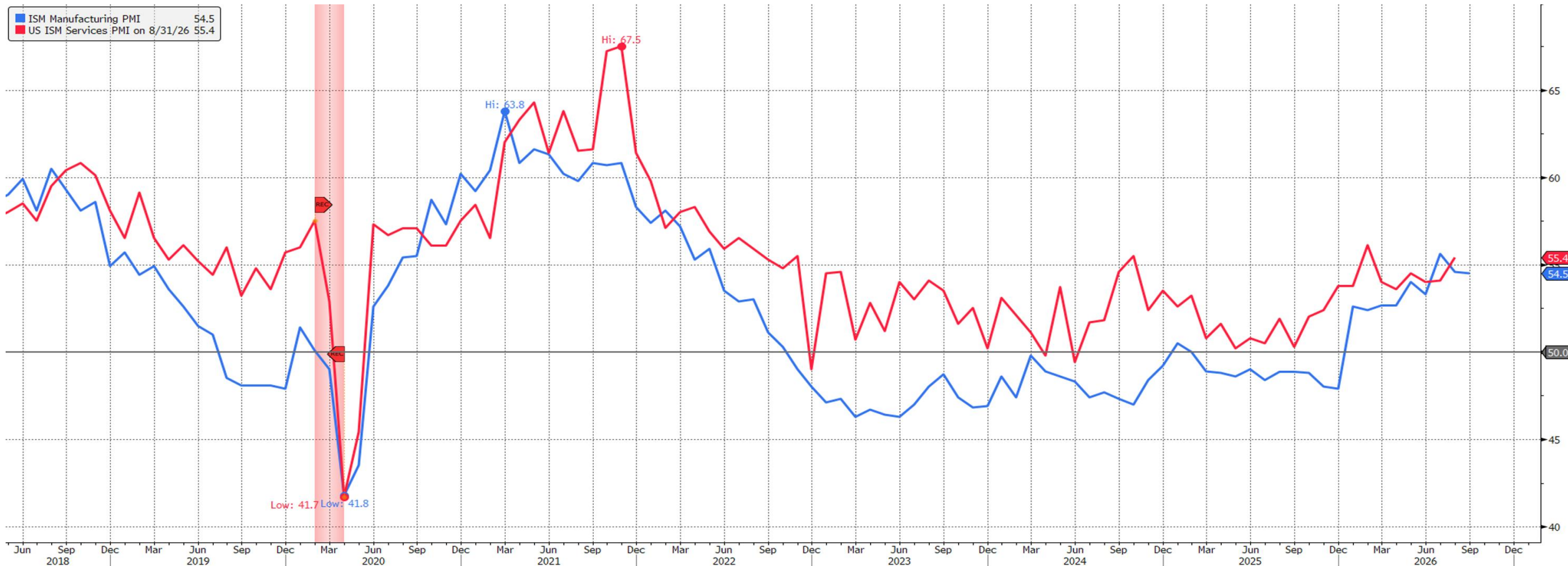
- Nền kinh tế Mỹ tăng trưởng với tốc độ hàng năm là 2,2% trong quý 2 năm 2026, được điều chỉnh tăng 0,7 điểm phần trăm so với ước tính lần 2, sau khi tăng trưởng 2,5% được điều chỉnh tăng trong quý 1. Động lực chính của mức điều chỉnh là đầu tư, chi tiêu tiêu dùng và chi tiêu chính phủ. Sự điều chỉnh tăng đối với đầu tư phản ánh sự tăng trưởng mạnh mẽ hơn của hàng tồn kho tư nhân và đầu tư cố định, với các công trình phi nhà ở (đặc biệt là xây dựng thương mại và y tế, dẫn đầu là các trung tâm dữ liệu) đóng góp lớn nhất.
- Xét theo thành phần chi tiêu, tăng trưởng quý 2 được nâng bởi chi tiêu tiêu dùng (đóng góp khoảng 2,5 điểm phần trăm, PCE thực tăng 3,8% theo năm), đầu tư cố định phi nhà ở (khoảng 1,2 điểm) và xuất khẩu, trong khi nhập khẩu tăng và trừ đi GDP, xuất khẩu ròng kéo giảm khoảng 1,1 điểm, còn biến động tồn kho trừ khoảng 0,5 điểm.
- Giới phân tích nhìn nhận mức điều chỉnh là tín hiệu sức bền của tiêu dùng và đầu tư liên quan AI mạnh hơn dự báo. Tuy nhiên, rủi ro phía trước vẫn là lạm phát trong nước còn cao và sự phụ thuộc vào chu kỳ đầu tư trung tâm dữ liệu.



# DIỄN BIẾN TTCK THẾ GIỚI

## Hoạt động sản xuất Mỹ duy trì mở rộng nhưng áp lực chi phí đầu vào tăng mạnh trong tháng 9

- Hoạt động sản xuất Mỹ tiếp tục duy trì đà mở rộng trong tháng 9 khi chỉ số ISM Manufacturing PMI đạt 54,5 điểm, gần như đi ngang so với 54,6 điểm tháng trước và đánh dấu tháng mở rộng thứ chín liên tiếp. Nhu cầu vẫn tương đối tích cực khi chỉ số đơn hàng mới tăng từ 53,7 lên 55,3 điểm, trong khi đơn hàng tồn đọng tăng từ 51,8 lên 56,4 điểm. Chỉ số việc làm trong lĩnh vực sản xuất cũng cải thiện từ 51,2 lên 52,7 điểm, cho thấy khu vực công nghiệp vẫn giữ được sức chống chịu dù thị trường lao động chung bắt đầu hạ nhiệt. Nhu cầu liên quan đến đầu tư hạ tầng AI và quá trình tái tích trữ hàng tồn kho tiếp tục hỗ trợ hoạt động sản xuất.
- Tuy nhiên, áp lực chi phí gia tăng đáng kể khi chỉ số giá đầu vào Prices Paid tăng 6,8 điểm từ 71,1 lên 77,9, phản ánh tác động của giá năng lượng cao và những gián đoạn trong chuỗi cung ứng. Việc hoạt động sản xuất tiếp tục mở rộng trong khi áp lực giá đầu vào tăng tạo ra bức tranh chính sách phức tạp đối với Fed: thị trường lao động đang hạ nhiệt nhưng nền kinh tế chưa suy yếu đồng đều và rủi ro lạm phát vẫn hiện hữu. Chi phí đầu vào cao có thể tiếp tục tạo áp lực lên giá sản xuất trong những tháng tới, đặc biệt nếu giá dầu duy trì ở mặt bằng hiện tại.



## G7 tăng nguồn cung dự phòng dầu thô trong khi đàm phán Mỹ - Iran chưa giải quyết rủi ro địa chính trị

- G7 đẩy nhanh giải phóng khoảng 100 triệu thùng dầu và sản phẩm dầu từ dự trữ khẩn cấp trong bốn tháng tới, ưu tiên diesel trong giai đoạn đầu. Động thái này tạo thêm lớp đệm nguồn cung khi đàm phán Mỹ–Iran chưa đạt đột phá, nhưng chưa loại bỏ rủi ro gián đoạn vận chuyển tại vùng Vịnh.

GIÁ DẦU VẪN DUY TRÌ Ở MỨC CAO

~102

USD/thùng · Brent

- > G7 bổ sung nguồn cung dự phòng
- > Nhưng phần bù rủi ro địa chính trị vẫn còn

*Nguồn cung dự trữ giúp hạn chế đà tăng giá nhưng chưa xử lý nguyên nhân gốc từ xung đột.*

| NHÓM            | DIỄN BIẾN CHÍNH                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nguồn cung      | <ul style="list-style-type: none"><li>G7 đẩy nhanh phần cam kết còn lại tương đương 100 triệu thùng dầu và sản phẩm dầu từ dự trữ khẩn cấp trong khoảng bốn tháng. Diesel được ưu tiên trong giai đoạn đầu nhằm giảm tình trạng thiếu hụt nhiên liệu.</li></ul>                                 |
| Ngoại giao      | <ul style="list-style-type: none"><li>Iran đưa ra kế hoạch xây dựng lòng tin trong bảy ngày liên quan đến ngừng giao tranh và hoạt động qua eo Hormuz. Mỹ ban đầu bác đề xuất nhưng sau đó gửi phản hồi thông qua Qatar, cho thấy kênh đàm phán vẫn được duy trì.</li></ul>                     |
| Thị trường      | <ul style="list-style-type: none"><li>Nguồn cung dự trữ bổ sung giúp giá dầu hạ bớt từ mức cao trong tuần nhưng tác động còn hạn chế. Brent vẫn đóng cửa quanh 102,25 USD/thùng, cho thấy phần bù rủi ro địa chính trị chưa biến mất.</li></ul>                                                 |
| Chưa giải quyết | <ul style="list-style-type: none"><li>Hai bên vẫn còn khác biệt về điều kiện ngừng giao tranh, hoạt động tại eo Hormuz và các biện pháp trừng phạt. Dự trữ dầu có thể bù đắp thiếu hụt tạm thời nhưng không thay thế được nguồn cung nếu vận chuyển tại vùng Vịnh tiếp tục gián đoạn.</li></ul> |

# DIỄN BIẾN TTCK THẾ GIỚI

Thị trường dầu bước vào giai đoạn giằng co giữa nguồn cung dự phòng và rủi ro Mỹ-Iran



## Nguồn cung dự phòng

G7 triển khai phần dự trữ còn lại trong khoảng bốn tháng, với diesel được đưa ra thị trường sớm hơn. Nguồn cung bổ sung giúp giảm nguy cơ thiếu hụt tức thời nhưng có quy mô hữu hạn.



## Kênh ngoại giao vẫn mở

Mỹ và Iran tiếp tục trao đổi gián tiếp thông qua Qatar. Khoảng cách về điều kiện ngừng giao tranh, eo Hormuz và trừng phạt vẫn lớn nên khả năng đạt thỏa thuận nhanh còn hạn chế.



## Rủi ro lạm phát chưa biến mất

Brent vẫn trên 100 USD/thùng. Nếu gián đoạn nguồn cung kéo dài, giá năng lượng cao có thể tiếp tục truyền dẫn vào lạm phát và khiến các NHTW thận trọng hơn với chính sách tiền tệ.

CUỐI THÁNG 9



Iran đưa ra kế hoạch 7 ngày

Mỹ và Iran trao đổi đề xuất thông qua Qatar nhưng chưa thống nhất điều kiện ngừng giao tranh.

2/10/2026



G7 công bố kế hoạch dự trữ

Đẩy nhanh giải phóng phần cam kết còn lại khoảng 100 triệu thùng trong bốn tháng, ưu tiên diesel.

THÁNG 10/2026



Theo dõi nguồn cung thực tế

Thị trường đánh giá tốc độ dầu và diesel được đưa ra cùng mức độ phục hồi của dòng vận chuyển qua vùng Vịnh.

CUỐI NĂM 2026



Áp lực lan sang lạm phát và chính sách Fed

Nếu Brent tiếp tục neo cao, áp lực giá năng lượng có thể duy trì lạm phát và ảnh hưởng tới kỳ vọng lãi suất cuối năm.

### 4 kịch bản ngắn hạn



#### Dự trữ được giải phóng nhanh

Nguồn cung tăng giúp hạn chế thiếu hụt nhiên liệu và giảm phần nào áp lực lên giá dầu.



#### Đàm phán đạt tiến triển

Rủi ro gián đoạn tại vùng Vịnh giảm, tạo điều kiện để phần bù địa chính trị trong giá dầu thu hẹp.



#### Đàm phán tiếp tục kéo dài

Brent có thể duy trì mặt bằng cao dù nguồn cung dự trữ giúp hạn chế các nhịp tăng mạnh.



#### Xung đột tái leo thang

Gián đoạn vận chuyển mới có thể khiến giá dầu tăng trở lại, kéo theo rủi ro lạm phát và định giá lại lộ trình lãi suất.

Dòng vốn quốc tế tiếp tục giảm mạnh ở Châu Á trong bối cảnh lợi suất trái phiếu chính phủ tăng mạnh

Tuần vừa qua, dòng vốn cổ phiếu tiếp tục trong xu hướng rút ròng trên diện rộng tại khu vực Châu Á khi lợi suất trái phiếu Mỹ kỳ hạn 10 năm lên 5,34% — cao nhất từ năm 2002. Mức bán lớn nhất là Hàn Quốc (-6,21 tỷ USD), tiếp theo là Ấn Độ với -2,54 tỷ USD và Nhật Bản với -2,30 tỷ USD. Việt Nam bán ròng -188,5 triệu USD trong tuần, -127 triệu USD từ đầu tháng và -3,76 tỷ USD từ đầu năm. Áp lực ngắn hạn có thể còn tiếp diễn khi lợi suất Mỹ ở vùng cao nhiều thập kỷ, dầu neo cao và rủi ro địa chính trị vùng Vịnh chưa hạ, khiến vốn ưu tiên các thị trường lãi suất cao và ổn định hơn.

| Foreign Portfolio Investment |               |           |           |            |             |             |             |
|------------------------------|---------------|-----------|-----------|------------|-------------|-------------|-------------|
| Equity                       | Currency: USD |           |           |            |             |             |             |
| Country                      |               | Weekly    | MTD       | QTD        | YTD         | 12M         | YOY Lvl     |
| Asia                         |               | Mln       | Mln       | Mln        | Mln         | Mln         | Mln         |
| China                        | 6/30/2026     |           | 13,045.06 | 148,180.15 | 166,057.90  | 259,178.24  |             |
| India                        | 9/30/2026     | -2,541.41 | -4,142.91 | 703.82     | -28,261.47  | -30,053.41  | -832.49     |
| Indonesia                    | 10/2/2026     | -280.68   | -84.51    | -84.51     | -4,750.18   | -2,461.45   | 3,048.41    |
| Malaysia                     | 10/1/2026     | -179.00   | -46.00    | -46.00     | -1,572.70   | -2,625.30   | -6,039.80   |
| Philippines                  | 10/2/2026     | -72.85    | -43.37    | -43.37     | -579.11     | -792.63     | 339.28      |
| Thailand                     | 10/2/2026     | -796.42   | -131.07   | -131.07    | 682.70      | 309.29      | 4,508.17    |
| Vietnam                      | 10/2/2026     | -188.52   | -126.99   | -126.99    | -3,761.16   | -4,727.18   | 186.47      |
| Taiwan                       | 10/2/2026     | -243.86   | 711.97    | 711.97     | -36,210.95  | -51,991.61  | -55,387.19  |
| S.Korea                      | 10/2/2026     | -6,211.91 | 33.63     | 43.63      | -126,648.43 | -130,940.32 | -124,058.22 |
| Japan                        | 9/25/2026     | -2,301.63 | -7,722.50 | -3,685.20  | 49,323.90   | 99,376.56   | 96,110.99   |
| Sri Lanka                    | 10/2/2026     | -0.80     | -0.70     | -0.71      | -178.10     | -216.24     | -114.77     |
| EMA                          |               |           |           |            |             |             |             |
| Euro Area                    | 7/31/2026     |           | 49,686.60 | 49,686.60  | 350,341.60  | 559,989.50  | 93,301.90   |
| Germany                      | 4/30/2026     |           | 11,358.61 | 11,358.61  | 9,333.14    | -17,035.98  | -25,335.45  |
| France                       | 7/31/2026     |           | -883.00   | -876.00    | 6,477.00    | 23,051.00   | 15,827.00   |
| Americas                     |               |           |           |            |             |             |             |
| United State                 | 7/31/2026     |           | 3,705.00  | 3,705.00   | 452,791.00  | 941,870.00  | 343,773.00  |
| Canada                       | 7/31/2026     |           | 5,103.17  | -7,225.85  | 5,103.17    | 2,190.84    | 20,549.78   |
| Brazil                       | 9/30/2026     | -60.65    | 1,781.07  | -1,230.52  | 5,018.84    | 4,877.21    | 960.23      |

# Diễn biến TTCK Việt Nam

---

- Chỉ số VN-Index tiếp tục chịu áp lực giảm điểm trong tuần đầu quý IV
  - Thanh khoản toàn thị trường đi ngang so với tuần trước
  - Đà bán ròng của NĐTNN tiếp tục mở rộng
  - **Dự báo xu hướng:** Chỉ số VN-Index có thể kiểm định vùng hỗ trợ gần 1.715–1.725, xu hướng ngắn hạn vẫn nghiêng về giảm và các chỉ báo kỹ thuật tiếp tục suy yếu
- 

## Chiến lược đầu tư:

- Ưu tiên giữ tỷ trọng ở mức vừa phải, tập trung vào các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt và đang tích lũy chặt. Có thể mua các nhóm cổ phiếu kỹ thuật mạnh đi ngược thị trường hoặc mua thăm dò khi VN-Index phản ứng tích cực tại vùng 1.700–1.725 điểm. Tuy nhiên vẫn dự phòng kịch bản thận trọng có thể xảy ra.

## Toàn cảnh thông tin tác động đến TTCK Việt Nam trong tuần qua

### Tin vĩ mô:

- **Tỷ giá điều hành USD tuần này giảm 5 đồng xuống mức 25.636 đồng/USD.** Tỷ giá liên ngân hàng tăng giảm trở lại xuống 25.982 đồng/USD. Lãi suất qua đêm liên ngân hàng tăng lên trên 7%.
- **Ngân hàng Nhà nước hút ròng 53.475 tỷ đồng trên thị trường mở trong tuần này.** Khối lượng chào thầu chỉ 25.139 tỷ đồng, trong khi lượng đáo hạn 78.614 tỷ đồng sau phiên cuối quý 3. Quy mô OMO lưu hành giảm xuống còn 133.342 tỷ đồng.
- **Tăng trưởng GDP quý III tiếp tục tăng tốc nhưng 9 tháng vẫn chưa đạt mức 2 con số.** GDP quý III/2026 tăng 9,95% svck, cao hơn mức tăng 8,15% của quý I và 8,81% của quý II. Tính chung 9 tháng, GDP tăng 9,01%.
- **Chỉ số giá tiêu dùng 9 tháng vượt mục tiêu cả năm (4,5%).** CPI tháng 9 tăng 0,62% so với tháng trước, tăng 4,20% so với 12/2025 và tăng 5,08% svck. Bình quân 9 tháng, CPI tăng 4,52%; trong khi lạm phát cơ bản tăng 4,26%.
- **Đến ngày 30/9/2026, tăng trưởng tín dụng tăng 11,59% so với cuối 2025.** Dư nợ tín dụng toàn hệ thống đạt 20,75 triệu tỷ đồng, tăng 11,59% so với cuối năm 2025 và tăng 16,69% svck, vẫn còn dư địa tăng trưởng so với mục tiêu cả năm.
- **Thị trường chứng khoán tiếp tục mở rộng quy mô tài khoản.** Đến cuối tháng 8/2026, toàn thị trường có gần 13,89 triệu tài khoản Tổng mức huy động vốn trên thị trường chứng khoán 9 tháng đạt 731.600 tỷ đồng, tăng 85,6% svck.
- **Ngân sách Nhà nước bội thu hơn 313 nghìn tỷ đồng trong 9 tháng.** Tổng thu ngân sách ước đạt 2,187 triệu tỷ đồng, bằng 86,5% dự toán năm và tăng 12,1% svck, trong khi tổng chi đạt 1,874 triệu tỷ đồng, bằng 59,3% dự toán và tăng 14,5%..
- **PMI trên ngưỡng mở rộng tháng thứ 15 liên tiếp nhưng đà tăng chậm lại.** PMI tháng 9 giảm xuống 51,9 điểm từ 53,3 điểm tháng 8. Sản lượng và đơn hàng mới tiếp tục tăng, nhưng tốc độ tăng đơn hàng mới chậm nhất 5 tháng.
- **Sản xuất công nghiệp tăng cao nhất 9 tháng kể từ năm 2019.** Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) 9 tháng đầu năm 2026 tăng 12,3% svck, trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 12,9%.
- **Tiêu dùng nội địa duy trì đà tăng hai chữ số.** Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 9/2026 tăng 14,1% svck. Tính chung 9 tháng tăng 13,4% svck, tương đương mức tăng 7,8% nếu loại trừ yếu tố giá.
- **Giải ngân đầu tư công tăng mạnh nhưng vẫn còn áp lực cuối năm.** Đến hết 30/9/2026, giải ngân vốn đầu tư công đạt 642.962 tỷ đồng, tương đương 62,9% kế hoạch Thủ tướng giao và tăng 202.559 tỷ đồng so với cùng kỳ.
- **FDI vào Việt Nam 9 tháng cao nhất trong 5 năm qua.** Vốn FDI thực hiện đạt 21,07 tỷ USD, tăng 12,1% svck. Tổng vốn FDI đăng ký đến 30/9 đạt 50,36 tỷ USD, tăng 76,4% svck; riêng vốn đăng ký mới đạt 29,24 tỷ USD, gấp 2,4 lần.
- **Tháng 9, Việt Nam xuất siêu trở lại sau chín tháng nhập siêu liên tiếp.** Xuất siêu tháng 9 đạt 1,27 tỷ USD với kim ngạch XNK tăng 7,3% so với tháng 8. Lũy kế nhập siêu 9 tháng giảm xuống mức 19,42 tỷ USD.
- **Du lịch tiếp tục tăng trưởng tích cực đạt 71% mục tiêu cả năm.** Tháng 9/2026, Việt Nam đón khoảng 1,77 triệu lượt khách quốc tế, tăng 16,1% svck. Tính chung 9 tháng, khách quốc tế đạt 17,7 triệu lượt, tăng 14,5% svck.

## Toàn cảnh thông tin tác động đến TTCK Việt Nam trong tuần qua

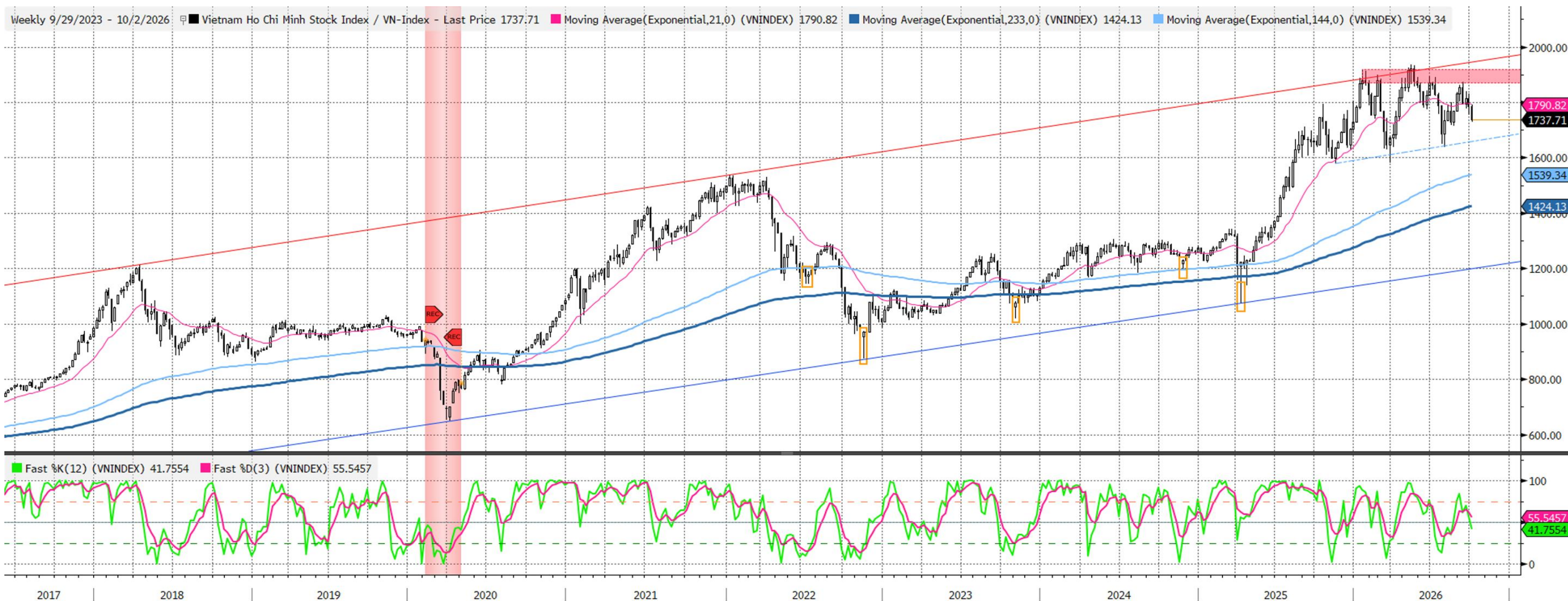
### Tin doanh nghiệp niêm yết:

- **VPB:** CTCP Bảo hiểm Nhân thọ VPBank (VPLife) đã chính thức được cấp phép hoạt động và dự kiến vận hành từ quý I/2027. VPLife sẽ bổ sung mảng bảo hiểm nhân thọ vào hệ sinh thái tài chính của VPBank.
- **PNJ:** PNJ dự kiến điều chỉnh kế hoạch năm 2026, dự kiến trích lập 7.071 tỷ đồng dự phòng liên quan chính sách thu đổi hàng hóa, khiến lợi nhuận sau thuế chuyển sang lỗ 6.271 tỷ đồng.
- **CTD:** Coteccons đặt kế hoạch năm tài chính 2027 với doanh thu hợp nhất 42.000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 1.050 tỷ đồng, lần lượt tăng 22% và hơn 33% so với năm trước. Backlog chuyển tiếp khoảng 70.000 tỷ đồng.
- **NVB:** Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB) được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tăng tối đa 33.000 tỷ đồng vốn điều lệ thông qua phát hành riêng lẻ. Vốn điều lệ NCB dự kiến tăng từ 29.280 tỷ lên 62.280 tỷ đồng trong quý I/2027.
- **SBT:** Bà Đặng Huỳnh Ước My, Chủ tịch HĐQT AgriS, đã mua thành công 11 triệu cổ phiếu SBT từ 8-21/9. Sau giao dịch, bà My nâng sở hữu lên gần 120,8 triệu cổ phiếu, tương ứng 12,92% vốn. Bà My và các bên liên quan nắm 34,01% vốn AgriS.
- **HND:** CTCP Nhiệt điện Hải Phòng sẽ trả cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt với tỷ lệ 3%. Với 500 triệu cổ phiếu lưu hành, doanh nghiệp dự kiến chi khoảng 150 tỷ đồng.
- **BCM:** Becamex Group sẽ bán 200 căn nhà tại dự án Green City Bình Dương cho Becamex IJC, với tổng giá trị sau VAT hơn 1.012 tỷ đồng. Becamex hiện sở hữu 49,76% vốn IJC, nên thương vụ được xác định là giao dịch với bên liên quan.
- **MSR:** MSR đang chuẩn bị cho kế hoạch niêm yết trên HOSE. Cty Tầm nhìn Masan đã chuyển nhượng 4,99% cho Elmet Group và sẽ tiếp tục chuyển nhượng 5,01% cho các nhà đầu tư tổ chức làm tăng tỷ lệ free-float.
- **FPT:** Cơ cấu cổ đông FPT tiếp tục phân tán mạnh khi số cổ đông tăng lên 181.748 người vào tháng 9/2026. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài giảm từ 38,73% cuối năm 2025 xuống còn khoảng 28,5%. Nhóm sở hữu dưới 1.000 cổ phiếu đông nhất với 89.786 cổ đông, nhưng chỉ nắm 1,15% vốn.
- **HDC:** Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) sẽ bán giải chấp 838.000 cổ phiếu HDC của ông Lê Viết Liên, Thành viên HĐQT kiêm TGĐ HDC từ 29/9-30/11/2026. Ông Liên đăng ký bán thêm 500.000 cổ phiếu HDC từ 2/10-31/10/2026.
- **NVL:** CTCP Diamond Properties, liên quan Chủ tịch Bùi Cao Nhật Quân, đăng ký bán 2,7 triệu cổ phiếu NVL từ 29/9 đến 9/10 nhằm cân đối danh mục. Đây là lần thứ tư doanh nghiệp bán NVL từ đầu năm 2026.
- **SHS:** CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội sẽ trả cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt với tỷ lệ 5%. Ngày đăng ký cuối cùng là 9/10. Ngoài ra, SHS dự kiến phát hành gần 45 triệu cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 5%.
- **PC1:** CTCP Tập đoàn PC1 dự kiến phát hành gần 61,7 triệu cổ phiếu để trả cổ tức năm 2025 với tỷ lệ 15%. Sau phát hành, lượng cổ phiếu lưu hành dự kiến tăng lên gần 473 triệu đơn vị (vốn điều lệ khoảng 4.730 tỷ đồng).
- **YEG:** Yeah1 cùng công ty con Mango+ và một đối tác góp vốn thành lập CTCP Giải trí và Thương mại A&M, hoạt động trong lĩnh vực vận hành kênh thương mại điện tử và khai thác các định dạng chương trình (Format Show).

# DIỄN BIẾN TTCK VIỆT NAM

## Chỉ số VN-Index tiếp tục chịu áp lực giảm điểm trong tuần đầu quý IV

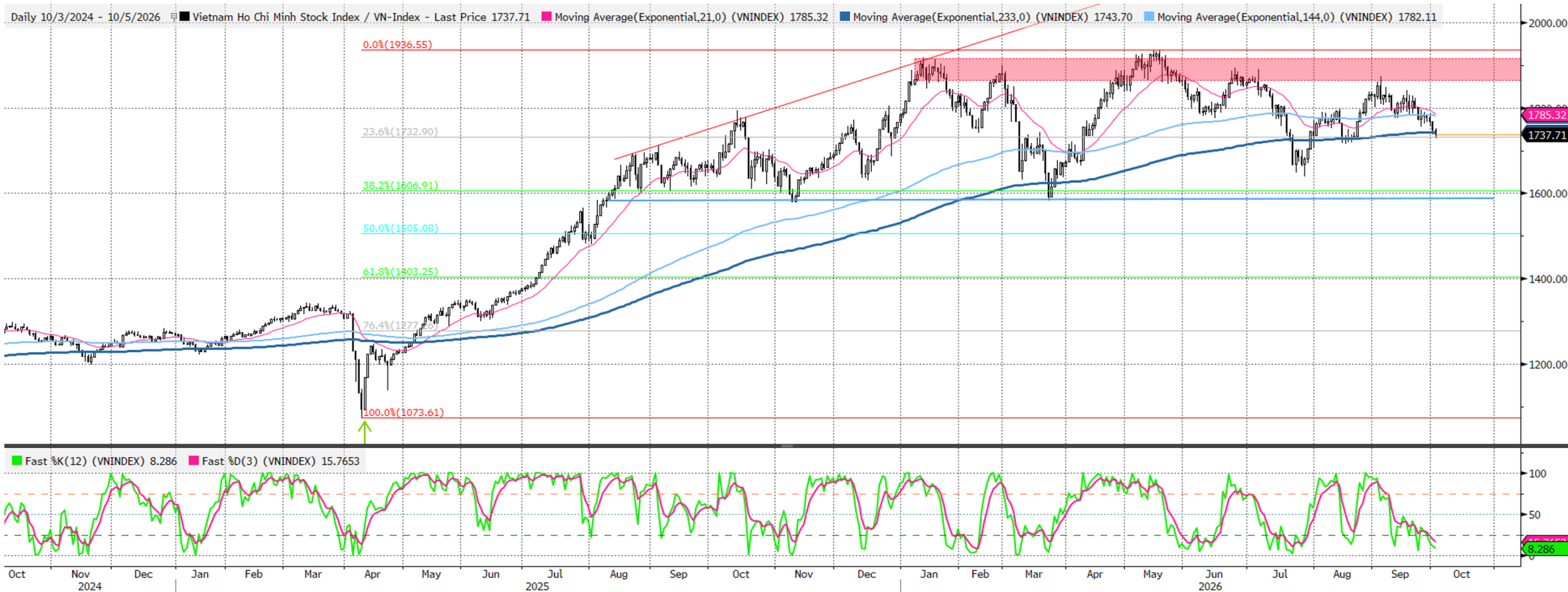
- Rủi ro lạm phát tăng cao do nguồn cung qua eo biển Hormuz gián đoạn trong bối cảnh Căng thẳng Trung Đông vẫn là biến số lớn đã khiến cho cả thị trường thế giới và thị trường trong nước tiếp tục chao đảo trong tuần này. Đặc biệt đã khiến cho chỉ số VN-Index giảm điểm sang tuần thứ 2 liên tiếp và đã xuyên thủng các ngưỡng hỗ trợ quan trọng. Trong đó, chỉ số VN-Index đã giảm gần 150 điểm kể từ đỉnh ngắn hạn và đã để mất hỗ trợ tại đường MA10 và MA50 theo khung tuần, điều này cho thấy xu hướng điều chỉnh ngắn hạn vẫn đang duy trì và mở rộng. Đồng thời mốc tâm lý 1.750 điểm cũng bị phá vỡ khiến cho các nhịp phục hồi xuất hiện lúc này phần lớn mang tính kỹ thuật nhiều hơn nên thanh khoản chưa thực sự thuyết phục, nhà đầu tư cần lưu ý hạn chế mua đuổi trong nhịp hồi hưng phấn quá đà khi xu hướng tăng mới của thị trường chưa được xác nhận. Do đó với diễn biến hồi không chắc chắn, nhà đầu tư tiếp tục quan sát phản ứng của thị trường ở giai đoạn này khi giai đoạn cao điểm công bố kết quả kinh doanh quý III sẽ diễn ra trong vài tuần tới.



# DIỄN BIẾN TTCK VIỆT NAM

## Chỉ số VN-Index có thể tiếp tục kiểm nghiệm vùng hỗ trợ 1.700 – 1.730 điểm

Trên đồ thị ngày, mặc dù liên tục xuất hiện các nhịp rút chân tuy nhiên vẫn chưa cản bước được đà giảm của thị trường khi đã giảm 5/5 phiên liên tiếp trong tuần này, cho thấy dòng tiền vẫn chưa tự tin và chỉ tham gia ở những phiên biến động mạnh. Một phần ảnh hưởng khi chỉ số Vnindex đã nằm dưới ngưỡng hỗ trợ quan trọng 1.800 điểm cũng như toàn bộ các đường MA như MA20, MA50, MA100, MA200 ngày. Về kỹ thuật, chỉ số Vnindex lúc này đã lùi về mốc Fibo 61,8% của nhịp tăng từ cuối tháng 7 và vẫn đang trong quá trình vận động hình thành các đáy sau thấp hơn đáy trước, đỉnh sau thấp hơn đỉnh trước cho thấy quán tính giảm vẫn đang chiếm ưu thế. Do đó hiệu suất sinh lời ở các nhóm cổ phiếu chưa nhiều có thể là nguyên nhân khiến lực cầu giảm, tâm lý nhà đầu tư cũng dễ chán nản trong bối cảnh thanh khoản thấp và thị trường khó tìm cơ hội lướt sóng ngắn hạn. Nhiều khả năng thị trường sẽ tiếp tục dao động trong vùng tương ứng với vùng 1.700 – 1.730 điểm để chờ thông tin hỗ trợ mới tích cực từ kết quả kinh doanh quý III của các doanh nghiệp.



Tóm tắt phân tích kỹ thuật VN-Index:

- Về xu hướng:** Chỉ số VN-Index đóng cửa quanh 1.738 điểm, giảm đồng pha trên cả ba khung (ngắn, trung và dài hạn đều Downtrend), nằm dưới toàn bộ MA5–MA200. Nhóm chỉ báo nghiêng hẳn về phía bán. Tuy nhiên, Williams %R, CCI(14), Bollinger band đều đang ở trạng thái quá bán hàm ý áp lực bán có thể chậm lại.
- Kịch bản tuần tới:** Nếu giữ được vùng 1.715–1.725 điểm, chỉ số VN-Index có thể hồi kỹ thuật lên kiểm nghiệm kháng cự 1.760–1.780 (MA10/MA5), xa hơn là mốc kháng cự tâm lý 1.800 tại MA20. Ngược lại, nếu mất 1.715 sẽ mở ra nhịp điều chỉnh sâu hơn về vùng 1.650–1.680 (đáy tháng 7).

|               |       |        |           |                  |                   |                 |
|---------------|-------|--------|-----------|------------------|-------------------|-----------------|
| VNindex Index | Price | 1,738  | VNĐ       |                  |                   |                 |
| RATING        | Score | Weight | RS_Rating | Trend_Short term | Trend_Medium term | Trend_Long term |
| Not Rated     | (28)  | -93%   | 68        | Downtrend        | Downtrend         | Downtrend       |

Technical Indicators

| Name           | Value    | Action   |
|----------------|----------|----------|
| RSI(14)        | 35.65    | Sell     |
| STOCH(9,6)     | 6.40     | Sell     |
| Feer Greed     | (110)    | Sell     |
| MACD(12,26)    | (9)      | Sell     |
| ADX(14)        | 20.78    | Sell     |
| Williams %R    | (91.71)  | OverSold |
| CCI(14)        | (155.53) | OverSold |
| MAOs           | (23)     | Sell     |
| Momentum       | (78)     | Sell     |
| Bollinger band | 1,849    | OverSold |
| ROC            | (2.41)   | Sell     |
| Psar           | 1,809    | Sell     |
|                | Buy: 0   | Sell: 9  |
| Summary        |          | Sell     |

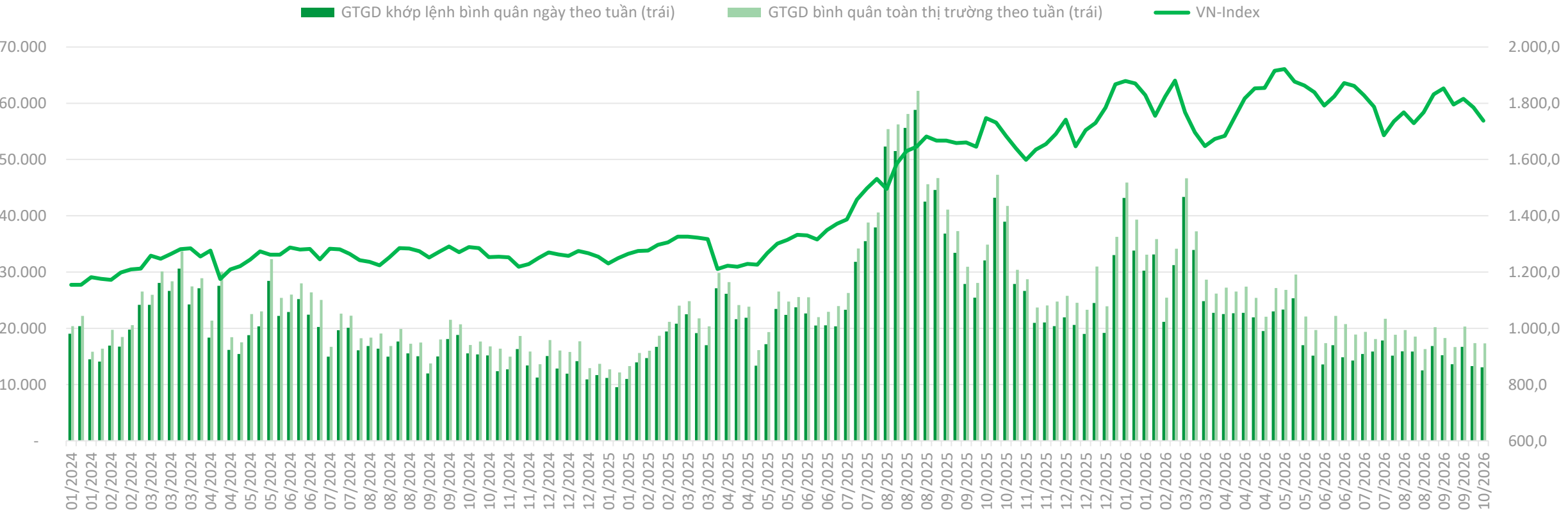
Moving Averages

| Period  | Simple | Exponential |
|---------|--------|-------------|
| MA5     | 1,763  | 1,759       |
|         | Sell   | Sell        |
| MA10    | 1,779  | 1,774       |
|         | Sell   | Sell        |
| MA20    | 1,800  | 1,785       |
|         | Sell   | Sell        |
| MA50    | 1,773  | 1,790       |
|         | Sell   | Sell        |
| MA100   | 1,808  | 1,791       |
|         | Sell   | Sell        |
| MA200   | 1,796  | 1,761       |
|         | Sell   | Sell        |
|         | Buy: 0 | Sell: 12    |
| Summary |        | Sell        |

Thanh khoản tiếp tục duy trì ở mức thấp trước lo ngại vĩ mô thế giới

- Thị trường chứng kiến chuỗi giảm điểm liên tiếp trong tuần vừa qua với thanh khoản tiếp tục duy trì ở mức thấp. VN-Index đóng cửa tuần tại 1.737,7 điểm, giảm 2,7% so với tuần trước trong bối cảnh vĩ mô thế giới có nhiều dấu hiệu đáng lo ngại.
- Kết thúc tuần, thanh khoản trung bình toàn thị trường gần như không thay đổi so với tuần trước, đạt 17.338 tỷ đồng, trong đó khớp lệnh đạt 13.077 tỷ đồng, duy trì thấp hơn bình quân nhiều tuần gần đây. Thanh khoản thu hẹp phản ánh dòng tiền thận trọng, thiếu sự lan tỏa và không có phiên bùng nổ đáng kể. Nhà đầu tư nên ưu tiên quản trị rủi ro, chờ tín hiệu dòng tiền cải thiện và lực cầu chủ động quay lại trước khi gia tăng tỷ trọng, đồng thời chọn lọc cổ phiếu thuộc rổ FTSE có nền tảng cơ bản tốt cùng nhóm dẫn dắt thực sự (bất động sản vốn hóa lớn, ngân hàng) nếu thị trường giữ được vùng hỗ trợ quanh 1.770 điểm.

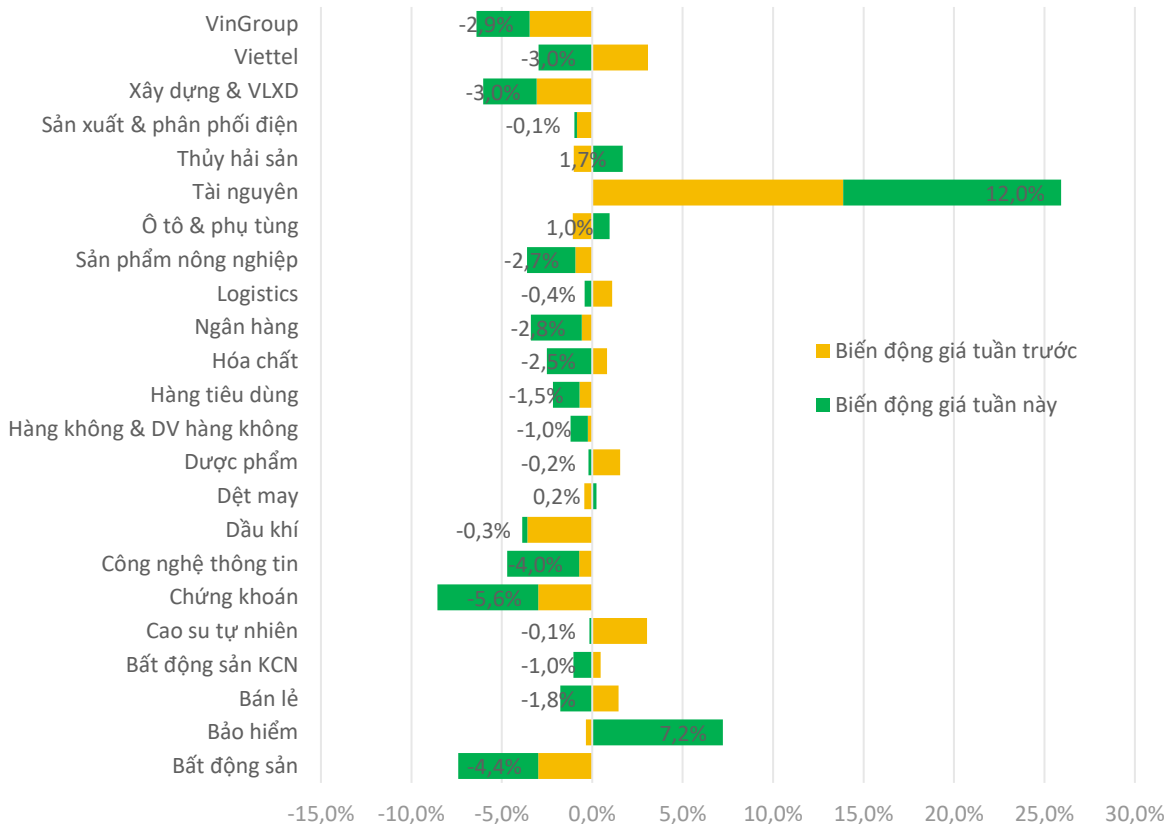
Giá trị giao dịch trên toàn thị trường



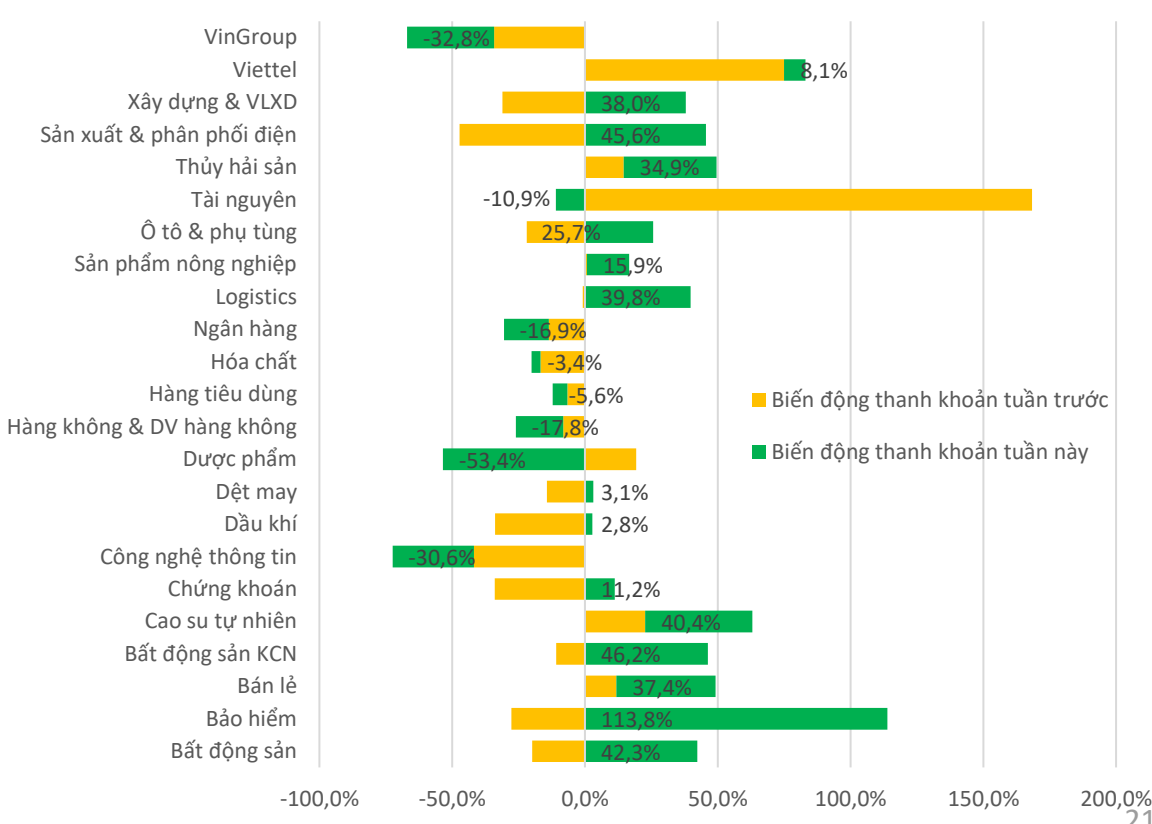
## Đa phần các nhóm Ngành ghi nhận giảm điểm, giao dịch có sự phân hóa giữa các nhóm ngành

- Tuần vừa qua, thị trường giảm điểm trên diện rộng với mức giảm bình quân 1,2%. Ngoại trừ nhóm Tài nguyên tăng 12% với đóng góp phần lớn từ MSR (+12,7%) và Bảo hiểm (+7,2%), phần lớn các nhóm ngành đều khi nhận hiệu suất âm. Áp lực giảm lớn tập trung ở một số nhóm ngành trụ cột gồm: Bất động sản (-4,4%), Chứng khoán (-5,6%), Công nghệ thông tin (-4,0%), Ngân hàng (-2,8%), Hóa chất (-2,5%), Xây dựng & VLXD (-3,0%), Viettel (-3,0%), VinGroup (-2,9%), Bán lẻ (-1,8%)
- Thanh khoản tăng mạnh tại một số ngành giảm điểm lớn như: Bất động sản (+42%), Xây dựng & VLXD (+38%), Bán lẻ (+37%), Chứng khoán (+11%). Trong khi đó, một số nhóm ngành ghi nhận giá trị giao dịch giảm mạnh, gồm: VinGroup (-33%), Công nghệ thông tin (-31%), Ngân hàng (-17%), Hàng không & DV hàng không (-18%), Tài nguyên (-11%, không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận),...

Biến động giá theo nhóm ngành (theo tuần)



Biến động thanh khoản theo nhóm ngành (theo tuần)

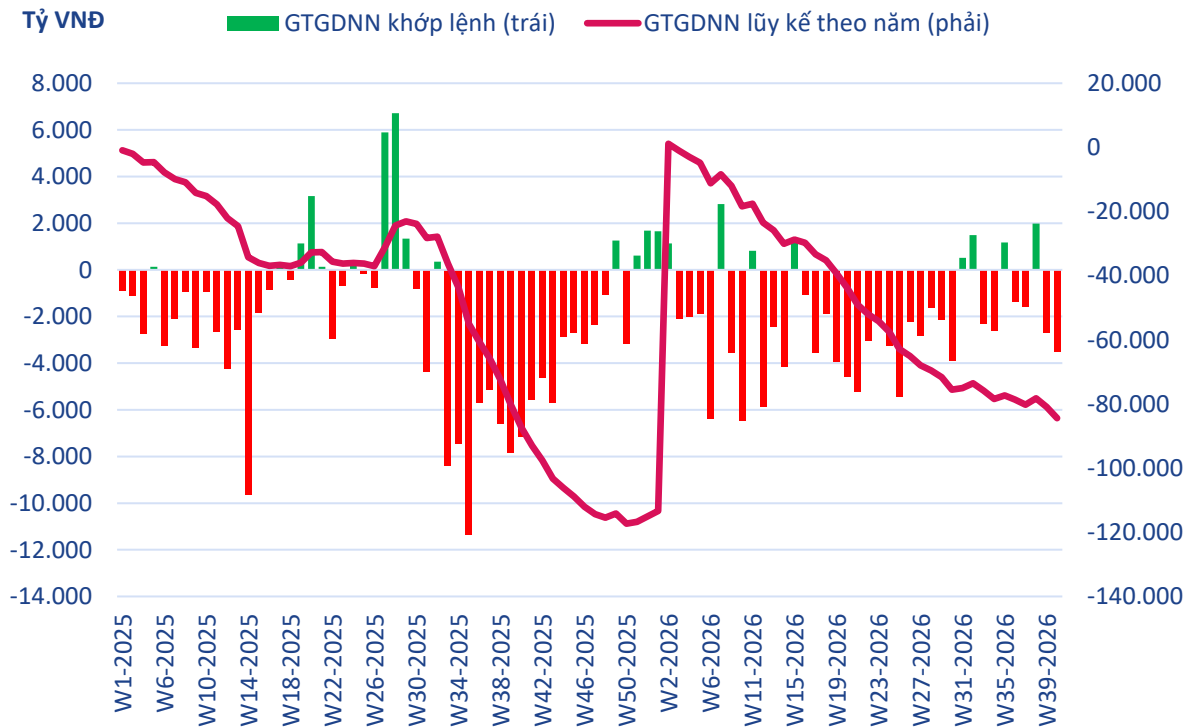


# DIỄN BIẾN TTCK VIỆT NAM

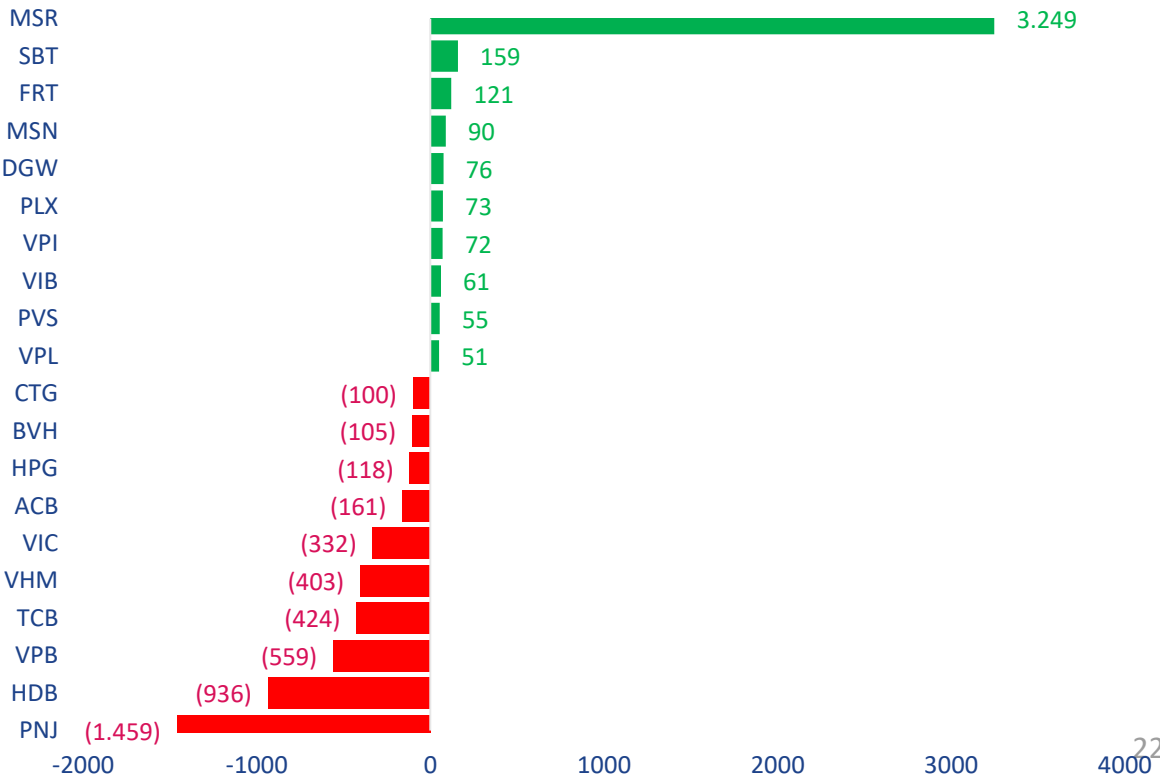
## Đà bán ròng của NĐTNN mở rộng so với tuần trước

- Tuần vừa qua, dòng vốn ngoại bán ròng khoảng 3.513 tỷ đồng trên toàn thị trường (giá trị khớp lệnh), qua đó tạo thêm áp lực lên diễn biến chung khi VN-Index đánh mất mốc 1.800 điểm. Lực bán tập trung chủ yếu vào nhóm vốn hóa lớn và ngân hàng, dù vẫn có sự chọn lọc mua ở một số mã.
- Áp lực bán ròng nổi bật gồm: PNJ (-1.459 tỷ đồng), HDB (-936 tỷ đồng), VPB (-559 tỷ đồng), TCB (-424 tỷ đồng), VHM (-403 tỷ đồng), VIC (-332 tỷ đồng), ACB (-161 tỷ đồng), HPG (-118 tỷ đồng), BVH (-105 tỷ đồng), CTG (-100 tỷ đồng)... Ngược lại, chiều mua ròng tập trung vào: MSR (+3.249 tỷ đồng, trong đó mua thỏa thuận 3.240 tỷ đồng), SBT (+159 tỷ đồng), FRT (+121 tỷ đồng), MSN (+90 tỷ đồng), DGW (+76 tỷ đồng),... Lũy kế từ đầu năm, NĐTNN đã bán ròng khoảng 84.445 tỷ đồng, mức bán ròng mở rộng so với tuần trước. Việc đảo chiều bán mạnh ở nhóm trụ (đặc biệt họ Vin và ngân hàng) ngay sau cột mốc nâng hạng cho thấy hiệu ứng “cơ cấu danh mục” và dòng vốn thụ động chưa chảy vào đáng kể trong đợt phân bổ đầu tiên. Nhà đầu tư nên theo dõi sát diễn biến giải ngân thực tế của các quỹ ETF theo lộ trình nâng tỷ trọng trong các tuần tới, đồng thời ưu tiên các mã có dòng tiền ngoại chọn lọc ổn định thay vì kỳ vọng đảo chiều diện rộng ngay lập tức.

Giao dịch NĐTNN toàn thị trường theo tuần



Top NĐTNN Mua/bán ròng 1 tuần (tỷ VNĐ)



Dòng vốn ETF tuần này bị rút vốn trở lại sau một tuần trầm lắng

- Tuần vừa qua, dòng vốn trên kênh ETF đảo chiều sang rút ròng khoảng 9,55 triệu USD. Trong đó, áp lực rút tập trung ở quỹ quy mô lớn, chủ yếu là VanEck Vietnam ETF (-10,31 triệu USD) và Xtrackers Vietnam Swap UCITS ETF (-1,2 triệu USD); Ở chiều ngược lại, DCVFMVN30 ETF Fund huy động được +1,19 triệu USD và DCVFMVN Diamond ETF (+0,51 triệu USD). Trong 1 tháng gần nhất, kênh ETF vẫn ghi nhận vốn vào ròng khoảng 63,92 triệu USD, đến chủ yếu từ quỹ KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF Sy (+94,9 triệu USD) nhờ hoạt động tái cơ cấu và giải ngân đón đầu nâng hạng ở tuần trước, đủ bù các khoản rút ở các quỹ lớn. Tuy nhiên, 3 tháng gần nhất dòng vốn ETF rút ròng nhẹ 8,92 triệu USD; 6 tháng rút 98,47 triệu USD và khoảng 292 triệu USD trong 1 năm. Tổng quy mô các quỹ theo dõi khoảng 2,29 tỷ USD.
- Việc Việt Nam chính thức được đưa vào rổ FTSE GEIS (hiệu lực từ 21/9) chưa tạo ra dòng vốn thụ động đột biến ngay sau mốc này — tuần qua thậm chí rút ròng — phù hợp với lộ trình phân bổ tỷ trọng theo nhiều đợt (ước tính khoảng 10% trong đợt đầu, phần còn lại trải đến tháng 9/2027).

| Vietnam ETF Funflow  |                                |                  |       |           |                         |         |         |         |          |
|----------------------|--------------------------------|------------------|-------|-----------|-------------------------|---------|---------|---------|----------|
| U.S. Millions Dollar |                                | Summary          |       |           | Fund Flows (\$Millions) |         |         |         |          |
| No                   | Name                           | Fund Size (\$mm) | NAV   | % Premium | 1 Week                  | 1 Month | 3 Month | 6 Month | 1 Year   |
| 1                    | DCVFMVN30 ETF Fund             | 221.72           | 1.30  | 1.01      | 1.19                    | -3.41   | -1.90   | -12.23  | -14.66   |
| 2                    | DCVFMVN Diamond ETF            | 414.50           | 1.27  | 0.38      | 0.51                    | -1.70   | 6.30    | 1.55    | -23.19   |
| 3                    | SSIAM VN30 ETF                 | 9.78             | 0.91  | 0.35      | 0.19                    | 0.19    | 0.83    | 0.91    | 1.98     |
| 4                    | MAFN VN30 ETF                  | 19.90            | 0.89  | 0.97      | 0.1                     | -0.47   | -3.38   | -11.01  | -14.61   |
| 5                    | Fubon FTSE Vietnam ETF         | 329.46           | 0.56  | 0.17      | 0.0                     | -6.48   | -21.20  | -86.08  | -184.64  |
| 6                    | SSIAM VNFIN LEAD ETF           | 25.71            | 1.09  | (0.31)    | 0.0                     | 3.4     | 4.93    | 5.16    | 7.90     |
| 7                    | KIM Growth VNFINSELECT ETF     | 6.43             | 0.64  | (2.06)    | 0.0                     | -2.3    | -3.28   | -4.02   | -4.35    |
| 8                    | CGS Fullgoal Vietnam 30 Sector | 10.94            | 1.23  | 0.41      | 0.0                     | 0.18    | 0.11    | 0.11    | 0.65     |
| 9                    | DCVFMVN Mid Cap ETF            | 10.38            | 0.44  | 0.63      | 0.0                     | 0.04    | 0.09    | -0.50   | -1.63    |
| 10                   | SSIAM VNX50 ETF                | 7.54             | 1.08  | 0.03      | 0.0                     | 0.00    | 1.99    | 1.99    | 2.20     |
| 11                   | MAFM VNDIAMOND ETF             | 7.25             | 0.53  | 0.47      | 0.0                     | 0.0     | -2.52   | -3.16   | -4.03    |
| 12                   | KIM GROWTH VN DIAMOND ETF      | 2.66             | 0.46  | 0.17      | 0.0                     | 0.1     | 0.20    | 0.20    | 0.20     |
| 13                   | KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF Sy | 265.32           | 20.57 | (1.42)    | 0.0                     | 94.9    | 65.92   | 55.01   | -3.18    |
| 14                   | Premia Vietnam ETF             | 5.07             | 12.06 | (0.17)    | 0.0                     | 0.0     | 0.00    | -1.29   | -2.84    |
| 15                   | CSOP FTSE Vietnam 30 ETF       | 3.45             | 1.19  | 1.49      | 0.0                     | -0.8    | -1.9    | -1.88   | -1.14    |
| 16                   | KIM Growth VN30 ETF            | 89.68            | 0.49  | 0.10      | 0.0                     | -0.3    | -4.72   | -4.82   | -6.83    |
| 17                   | Global X MSCI Vietnam ETF      | 33.86            | 23.67 | (0.51)    | 0.0                     | 0.00    | -1.26   | 1.30    | 10.34    |
| 18                   | Xtrackers Vietnam Swap UCITS E | 348.79           | 39.06 | (1.62)    | -1.2                    | -9.21   | -12.34  | -15.60  | -11.98   |
| 19                   | VanEck Vietnam ETF             | 477.72           | 16.88 | (0.95)    | -10.31                  | -10.31  | -36.82  | -24.12  | -42.25   |
|                      |                                | 2,294            |       |           | (9.55)                  | 63.92   | (8.92)  | (98.47) | (292.05) |

# DIỄN BIẾN TTCK VIỆT NAM

## Kịch bản thị trường trong ngắn hạn:

- Kịch bản lạc quan (40%):** Chỉ số VN-Index đang kiểm định vùng hỗ trợ 1.715–1.725 điểm sau chuỗi phiên điều chỉnh, trong khi xu hướng ngắn hạn vẫn nghiêng về giảm và các chỉ báo kỹ thuật tiếp tục suy yếu. Tuy nhiên, nếu chỉ số phản ứng tích cực tại vùng hỗ trợ này và lực bán hạ nhiệt, kịch bản cơ sở là hình thành nền tích lũy mới, chờ xúc tác từ KQKD quý 3 và sự cải thiện của dòng tiền. Chỉ số VN-Index có thể ổn định rồi kiểm định lại vùng kháng cự 1.760–1.780 điểm, hướng tới vùng 1.800–1.820 điểm khi xuất hiện tín hiệu tăng kèm dòng tiền xác nhận.
- Kịch bản thận trọng (60%):** Nếu VN-Index tiếp tục chịu áp lực bán trên diện rộng, chỉ số dễ mất vùng hỗ trợ 1.715 điểm có thể xác nhận xu hướng giảm sâu hơn với khả năng kiểm nghiệm lại đáy cũ tháng 7/2026 tại 1650 - 1.700 điểm. Chỉ số VN-Index có thể cần thời gian để hình thành vùng cân bằng trước khi nhịp phục hồi kỹ thuật xuất hiện.



## Chiến lược đầu tư:



- Ưu tiên giữ tỷ trọng ở mức vừa phải, tập trung vào các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt và đang tích lũy chặt. Có thể mua thăm dò khi VN-Index phản ứng tích cực tại vùng 1.715–1.725 điểm, sau đó tăng tỷ trọng khi chỉ số vượt lại 1.780–1.800 điểm kèm thanh khoản cải thiện. Hạn chế mua đuổi khi chỉ số hồi phục nhanh nhưng dòng tiền chưa xác nhận.
- **Trong kịch bản thận trọng:** Nếu VN-Index mất vùng 1.700–1.715 điểm, ưu tiên hạ tỷ trọng cổ phiếu, hạn chế sử dụng margin và chờ thị trường ổn định trở lại. Trường hợp chỉ số lùi về 1.650–1.660 điểm, có thể quan sát phản ứng cung cầu để giải ngân từng phần vào các cổ phiếu có nền tảng tốt, nhưng chỉ tăng tỷ trọng khi xuất hiện tín hiệu tạo đáy và dòng tiền cải thiện.

### Bản đồ thị trường:

| TECHNICAL ANALYSIS        |             |        |             |           |                       |             |        |             |                     |     |             |        |                         |           |     |             |                    |             |           |    |                           |             |             |            |           |
|---------------------------|-------------|--------|-------------|-----------|-----------------------|-------------|--------|-------------|---------------------|-----|-------------|--------|-------------------------|-----------|-----|-------------|--------------------|-------------|-----------|----|---------------------------|-------------|-------------|------------|-----------|
| NGÂN HÀNG                 |             |        |             |           | CHỨNG KHOÁN           |             |        |             | BẤT ĐỘNG SẢN        |     |             |        | VẬT LIỆU XÂY DỰNG       |           |     |             | XÂY DỰNG & HẠ TẦNG |             |           |    | DẦU KHÍ                   |             |             |            |           |
| Mã                        | %Rank       | Rating | Medium term |           | Mã                    | %Rank       | Rating | Medium term |                     | Mã  | %Rank       | Rating | Medium term             |           | Mã  | %Rank       | Rating             | Medium term |           | Mã | %Rank                     | Rating      | Medium term |            |           |
| ACB                       | <div></div> | -22    | Not Rated   | Downtrend | BSI                   | <div></div> | -30    | Not Rated   | Downtrend           | AGG | <div></div> | -30    | Not Rated               | Downtrend | HPG | <div></div> | -28                | Not Rated   | Downtrend |    | CII                       | <div></div> | -30         | Not Rated  | Downtrend |
| BID                       | <div></div> | -30    | Not Rated   | Downtrend | BVS                   | <div></div> | -28    | Not Rated   | Downtrend           | CEO | <div></div> | -30    | Not Rated               | Downtrend | HSG | <div></div> | -22                | Not Rated   | Downtrend |    | C4G                       | <div></div> | -26         | Not Rated  | Downtrend |
| CTG                       | <div></div> | -26    | Not Rated   | Downtrend | CTS                   | <div></div> | -28    | Not Rated   | Downtrend           | DIG | <div></div> | -30    | Not Rated               | Downtrend | NKG | <div></div> | -30                | Not Rated   | Downtrend |    | CTD                       | <div></div> | -24         | Not Rated  | Downtrend |
| LPB                       | <div></div> | -30    | Not Rated   | Downtrend | FTS                   | <div></div> | -30    | Not Rated   | Downtrend           | DXG | <div></div> | -30    | Not Rated               | Downtrend | VGS | <div></div> | -30                | Not Rated   | Downtrend |    | FCN                       | <div></div> | -30         | Not Rated  | Downtrend |
| MBB                       | <div></div> | -28    | Not Rated   | Downtrend | HCM                   | <div></div> | -24    | Not Rated   | Downtrend           | HDC | <div></div> | -30    | Not Rated               | Downtrend | BMP | <div></div> | -24                | Not Rated   | Downtrend |    | G36                       | <div></div> | -26         | Not Rated  | Downtrend |
| MSB                       | <div></div> | 12     | Neutral     | Uptrend   | MBS                   | <div></div> | -30    | Not Rated   | Downtrend           | HDG | <div></div> | -30    | Not Rated               | Downtrend | NTP | <div></div> | -9                 | Sell        | Uptrend   |    | HBC                       | <div></div> | -26         | Not Rated  | Downtrend |
| SSB                       | <div></div> | -20    | Not Rated   | Uptrend   | SHS                   | <div></div> | -30    | Not Rated   | Downtrend           | ITC | <div></div> | -6     | Sell                    | Downtrend | VCS | <div></div> | -30                | Not Rated   | Downtrend |    | HHV                       | <div></div> | -30         | Not Rated  | Downtrend |
| STB                       | <div></div> | -26    | Not Rated   | Downtrend | SSI                   | <div></div> | -28    | Not Rated   | Downtrend           | KDH | <div></div> | -30    | Not Rated               | Downtrend | DHA | <div></div> | 22                 | Strong Buy  | Uptrend   |    | HUT                       | <div></div> | -28         | Not Rated  | Downtrend |
| TCB                       | <div></div> | -7     | Sell        | Uptrend   | VCI                   | <div></div> | -30    | Not Rated   | Downtrend           | NLG | <div></div> | -24    | Not Rated               | Downtrend | PTB | <div></div> | -2                 | Sell        | Downtrend |    | LCG                       | <div></div> | -30         | Not Rated  | Downtrend |
| VBB                       | <div></div> | 26     | Strong Buy  | Uptrend   | VIX                   | <div></div> | -30    | Not Rated   | Downtrend           | NVL | <div></div> | -26    | Not Rated               | Downtrend | HT1 | <div></div> | 3                  | Neutral     | Downtrend |    | VCG                       | <div></div> | -30         | Not Rated  | Downtrend |
| VCB                       | <div></div> | -30    | Not Rated   | Downtrend | VND                   | <div></div> | -30    | Not Rated   | Downtrend           | PDR | <div></div> | -28    | Not Rated               | Downtrend | BCC | <div></div> | -24                | Not Rated   | Downtrend |    | DPG                       | <div></div> | -28         | Not Rated  | Downtrend |
| VPB                       | <div></div> | 10     | Neutral     | Uptrend   | VPX                   | <div></div> | -18    | Not Rated   | Downtrend           | VPI | <div></div> | -18    | Not Rated               | Uptrend   |     |             |                    |             |           |    |                           |             |             |            |           |
| THỦY SẢN & ĐỆT MAY        |             |        |             |           | ĐIỆN                  |             |        |             | BDS KHU CÔNG NGHIỆP |     |             |        | BÁN LẺ & HÀNG TIÊU DÙNG |           |     |             | HÓA CHẤT           |             |           |    | VIETTEL + VINGROUP + CNTT |             |             |            |           |
| Mã                        | %Rank       | Rating | Medium term |           | Mã                    | %Rank       | Rating | Medium term |                     | Mã  | %Rank       | Rating | Medium term             |           | Mã  | %Rank       | Rating             | Medium term |           | Mã | %Rank                     | Rating      | Medium term |            |           |
| ANV                       | <div></div> | 14     | Neutral     | Uptrend   | GEG                   | <div></div> | -30    | Not Rated   | Downtrend           | KBC | <div></div> | -30    | Not Rated               | Downtrend | DGW | <div></div> | 22                 | Strong Buy  | Uptrend   |    | BFC                       | <div></div> | 28          | Strong Buy | Uptrend   |
| ASM                       | <div></div> | -20    | Not Rated   | Downtrend | HND                   | <div></div> | -24    | Not Rated   | Downtrend           | SZC | <div></div> | -28    | Not Rated               | Downtrend | FRT | <div></div> | 18                 | Buy         | Uptrend   |    | CSM                       | <div></div> | -12         | Sell       | Downtrend |
| CMX                       | <div></div> | -22    | Not Rated   | Downtrend | NT2                   | <div></div> | 24     | Strong Buy  | Uptrend             | SIP | <div></div> | -18    | Not Rated               | Downtrend | LIX | <div></div> | -21                | Not Rated   | Downtrend |    | CSV                       | <div></div> | -24         | Not Rated  | Downtrend |
| FMC                       | <div></div> | -14    | Sell        | Downtrend | PC1                   | <div></div> | -28    | Not Rated   | Downtrend           | PHR | <div></div> | 13     | Neutral                 | Uptrend   | MCH | <div></div> | -10                | Sell        | Uptrend   |    | DCM                       | <div></div> | -21         | Not Rated  | Uptrend   |
| GIL                       | <div></div> | -3     | Sell        | Uptrend   | POW                   | <div></div> | -7     | Sell        | Downtrend           | BCM | <div></div> | -26    | Not Rated               | Downtrend | MSN | <div></div> | 22                 | Strong Buy  | Uptrend   |    | DDV                       | <div></div> | -28         | Not Rated  | Downtrend |
| IDI                       | <div></div> | -20    | Not Rated   | Downtrend | QTP                   | <div></div> | -22    | Not Rated   | Downtrend           | IDC | <div></div> | 14     | Neutral                 | Uptrend   | MWG | <div></div> | 7                  | Neutral     | Uptrend   |    | DGC                       | <div></div> | -28         | Not Rated  | Downtrend |
| MPC                       | <div></div> | -26    | Not Rated   | Downtrend | REE                   | <div></div> | 16     | Buy         | Uptrend             | LHG | <div></div> | -26    | Not Rated               | Downtrend | PET | <div></div> | 12                 | Neutral     | Uptrend   |    | DPM                       | <div></div> | -26         | Not Rated  | Downtrend |
| TCM                       | <div></div> | -28    | Not Rated   | Downtrend | TV2                   | <div></div> | -28    | Not Rated   | Downtrend           | TIP | <div></div> | -28    | Not Rated               | Downtrend | PNJ | <div></div> | -30                | Not Rated   | Downtrend |    | DRC                       | <div></div> | -28         | Not Rated  | Downtrend |
| TNG                       | <div></div> | 3      | Neutral     | Downtrend | PGV                   | <div></div> | -13    | Sell        | Downtrend           | VGC | <div></div> | 24     | Strong Buy              | Uptrend   | PSD | <div></div> | -13                | Sell        | Downtrend |    | LAS                       | <div></div> | -30         | Not Rated  | Downtrend |
| VHC                       | <div></div> | 9      | Neutral     | Downtrend | GEX                   | <div></div> | -26    | Not Rated   | Downtrend           | NTC | <div></div> | 24     | Strong Buy              | Uptrend   | TLG | <div></div> | 24                 | Strong Buy  | Uptrend   |    | PLC                       | <div></div> | -30         | Not Rated  | Downtrend |
| DV VẬN TẢI & VẬN TẢI THỦY |             |        |             |           | HÀNG KHÔNG & LOGISTIC |             |        |             | BẢO HIỂM            |     |             |        | CAO SU TỰ NHIÊN         |           |     |             | THỰC PHẨM          |             |           |    | DUỐC PHẨM                 |             |             |            |           |
| Mã                        | %Rank       | Rating | Medium term |           | Mã                    | %Rank       | Rating | Medium term |                     | Mã  | %Rank       | Rating | Medium term             |           | Mã  | %Rank       | Rating             | Medium term |           | Mã | %Rank                     | Rating      | Medium term |            |           |
| TCO                       | <div></div> | -24    | Not Rated   | Downtrend | DVP                   | <div></div> | 9      | Neutral     | Uptrend             | BVH | <div></div> | 28     | Strong Buy              | Uptrend   | DPR | <div></div> | -5                 | Sell        | Uptrend   |    | SAB                       | <div></div> | -30         | Not Rated  | Downtrend |
| MHC                       | <div></div> | -24    | Not Rated   | Downtrend | GMD                   | <div></div> | 17     | Buy         | Uptrend             | MIG | <div></div> | -7     | Sell                    | Downtrend | DRG | <div></div> | 9                  | Neutral     | Uptrend   |    | VNM                       | <div></div> | -30         | Not Rated  | Downtrend |
| PVP                       | <div></div> | 26     | Strong Buy  | Uptrend   | HAH                   | <div></div> | 8      | Neutral     | Uptrend             | BMI | <div></div> | -21    | Not Rated               | Uptrend   | DRI | <div></div> | 28                 | Strong Buy  | Uptrend   |    | PAN                       | <div></div> | 9           | Neutral    | Downtrend |
| PVT                       | <div></div> | 12     | Neutral     | Uptrend   | SGP                   | <div></div> | -26    | Not Rated   | Downtrend           | BIC | <div></div> | -9     | Sell                    | Uptrend   | GVR | <div></div> | 16                 | Buy         | Uptrend   |    | KDC                       | <div></div> | 9           | Not Rated  | Uptrend   |
| VOS                       | <div></div> | -28    | Not Rated   | Downtrend | TCL                   | <div></div> | -22    | Not Rated   | Downtrend           | PVI | <div></div> | -1     | Sell                    | Downtrend | BRC | <div></div> | -20                | Not Rated   | Downtrend |    | MML                       | <div></div> | -16         | Not Rated  | Downtrend |
| VIP                       | <div></div> | -3     | Sell        | Downtrend | VSC                   | <div></div> | -24    | Not Rated   | Downtrend           | ABI | <div></div> | -5     | Sell                    | Uptrend   | PHR | <div></div> | 13                 | Neutral     | Uptrend   |    | BAF                       | <div></div> | -22         | Not Rated  | Uptrend   |
| VTO                       | <div></div> | 22     | Strong Buy  | Uptrend   | HVN                   | <div></div> | -22    | Not Rated   | Downtrend           | VNR | <div></div> | 8      | Neutral                 | Downtrend |     |             |                    |             |           |    | DBC                       | <div></div> | -24         | Not Rated  | Downtrend |
| GSP                       | <div></div> | 16     | Buy         | Uptrend   | VJC                   | <div></div> | -11    | Sell        | Uptrend             |     |             |        |                         |           |     |             |                    |             |           |    |                           |             |             |            |           |

Danh mục theo dõi theo PTKT:

| TOP 22 CỔ PHIẾU TIỀM NĂNG THEO PTKT TRONG TUẦN NÀY |       |                                 |                               |       |                |                   |               |                  |           |            |
|----------------------------------------------------|-------|---------------------------------|-------------------------------|-------|----------------|-------------------|---------------|------------------|-----------|------------|
| Tiêu chí lọc: Score   Thanh khoản   RS Rating      |       |                                 |                               |       |                |                   |               |                  |           |            |
| STT                                                | Mã CP | Tên Công Ty                     | Ngành                         | Score | Return 10D (%) | Money Flow 5D (%) | Giá (11/9/26) | Khối lượng TB 5P | RS_Rating | Rating     |
| 1                                                  | DRI   | Đầu tư Cao su Đắc Lắc           | Nhựa, cao su & sợi            | 28    | 3.32%          | 64%               | 16,200        | 2,019,741        | 95        | Strong Buy |
| 2                                                  | QNS   | Đường Quảng Ngãi                | Thực phẩm                     | 28    | 3.35%          | 21%               | 53,100        | 358,530          | 89        | Strong Buy |
| 3                                                  | MSR   | Masan High-Tech Materials       | Khai khoáng                   | 28    | 7.03%          | 22%               | 60,300        | 2,660,971        | 98        | Strong Buy |
| 4                                                  | NVB   | Ngân hàng Quốc Dân              | Ngân hàng                     | 28    | 6.99%          | 24%               | 15,000        | 1,133,303        | 85        | Strong Buy |
| 5                                                  | BFC   | Phân bón Bình Điền              | Hóa chất & phân bón           | 28    | 5.28%          | 70%               | 54,600        | 275,840          | 89        | Strong Buy |
| 6                                                  | BVH   | Tập đoàn Bảo Việt               | Bảo hiểm nhân thọ             | 28    | 1.72%          | 59%               | 75,800        | 1,436,780        | 90        | Strong Buy |
| 7                                                  | DXP   | Cảng Đoạn Xá                    | Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng | 28    | 3.40%          | 22%               | 14,000        | 221,811          | 87        | Strong Buy |
| 8                                                  | TRC   | Cao su Tây Ninh                 | Nhựa, cao su & sợi            | 26    | 0.84%          | -7%               | 24,150        | 324,780          | 94        | Strong Buy |
| 9                                                  | NAB   | Ngân hàng Nam Á                 | Ngân hàng                     | 26    | 1.13%          | 10%               | 12,500        | 1,713,000        | 74        | Strong Buy |
| 10                                                 | HDB   | HDBank                          | Ngân hàng                     | 26    | 2.45%          | -10%              | 28,450        | 9,906,740        | 84        | Strong Buy |
| 11                                                 | PVP   | Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương | Dịch vụ vận tải               | 26    | 2.56%          | 17%               | 22,000        | 1,588,240        | 96        | Strong Buy |
| 12                                                 | KSV   | Khoáng sản TKV                  | Khai khoáng                   | 25    | 1.76%          | -14%              | 110,100       | 42,013           | 91        | Strong Buy |
| 13                                                 | VEA   | Máy động lực và Máy NN          | Máy công nghiệp               | 24    | 0.81%          | 17%               | 37,500        | 388,413          | 82        | Strong Buy |
| 14                                                 | NT2   | Điện lực Nhơn Trạch 2           | Sản xuất & Phân phối Điện     | 24    | 3.00%          | 48%               | 22,300        | 757,780          | 47        | Strong Buy |
| 15                                                 | VLB   | VLXD Biên Hòa                   | Vật liệu xây dựng & Nội thất  | 24    | 0.25%          | 12%               | 48,100        | 12,531           | 78        | Strong Buy |
| 16                                                 | PHP   | Cảng Hải Phòng                  | Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng | 24    | 0.78%          | 13%               | 46,700        | 241,469          | 94        | Strong Buy |
| 17                                                 | DHA   | Hóa An                          | Vật liệu xây dựng & Nội thất  | 22    | 2.46%          | -35%              | 55,000        | 12,600           | 84        | Strong Buy |
| 18                                                 | VTO   | VITACO                          | Vận tải Thủy                  | 22    | 0.27%          | 91%               | 11,250        | 527,760          | 80        | Strong Buy |
| 19                                                 | MSN   | Tập đoàn Masan                  | Thực phẩm                     | 22    | 1.29%          | -2%               | 70,700        | 4,173,300        | 47        | Strong Buy |
| 20                                                 | DGW   | Thế Giới Sổ                     | Phân phối hàng chuyên dụng    | 22    | 0.29%          | -12%              | 45,600        | 1,871,160        | 86        | Strong Buy |
| 21                                                 | GMD   | Gemadep                         | Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng | 17    | -0.18%         | 13%               | 77,600        | 835,380          | 85        | Buy        |
| 22                                                 | PVS   | DVKT Dầu khí PTSC               | Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí   | 16    | -0.59%         | 14%               | 33,500        | 4,616,092        | 85        | Buy        |

⚠ Lưu ý: Nhiều mã đều có cảnh báo Overbought (mức 2-4). Chiến lược tối ưu: chờ pullback về hỗ trợ thay vì đuổi giá. Quản lý rủi ro: Stoploss đề xuất tại -3-5% so với giá mua. Thông tin chỉ mang tính tham khảo kỹ thuật, không phải khuyến nghị đầu tư.

Danh mục khuyến nghị từ nền tảng cơ bản:

| STT | Mã CP                | Giá hiện tại | Giá mục tiêu 12 tháng | Upside | EPS   | P/E   | P/B  | ROE    | ROA    | MA20 | MA50 |
|-----|----------------------|--------------|-----------------------|--------|-------|-------|------|--------|--------|------|------|
| 1   | <a href="#">ACB</a>  | VND 21,100   | VND 30,600            | 45.0%  | 2,701 | 7.81  | 1.23 | 16.70% | 1.57%  | sell | sell |
| 2   | <a href="#">PNJ</a>  | VND 23,050   | VND 86,100            | 273.5% | 4,717 | 4.89  | 0.88 | 17.79% | 12.61% | sell | sell |
| 3   | <a href="#">VHM*</a> | VND 67,900   | VND 83,780            | 23.4%  | 9,623 | 7.06  | 2.12 | 33.07% | 9.05%  | sell | sell |
| 4   | <a href="#">DGW</a>  | VND 45,600   | VND 48,000            | 5.3%   | 3,783 | 12.05 | 2.71 | 24.54% | 8.00%  | buy  | buy  |
| 5   | <a href="#">DBC</a>  | VND 15,400   | VND 25,900            | 68.2%  | 2,679 | 5.75  | 0.78 | 14.35% | 7.15%  | sell | sell |
| 6   | <a href="#">GEG</a>  | VND 11,800   | VND 17,250            | 46.2%  | 885   | 13.33 | 0.96 | 7.47%  | 2.60%  | sell | sell |
| 7   | <a href="#">FRT</a>  | VND 142,900  | VND 181,000           | 26.7%  | 6,358 | 22.47 | 5.32 | 29.66% | 4.99%  | buy  | buy  |
| 8   | <a href="#">CTR</a>  | VND 71,200   | VND 93,500            | 31.3%  | 5,108 | 13.94 | 4.07 | 30.92% | 7.49%  | sell | sell |
| 9   | <a href="#">VNM</a>  | VND 57,300   | VND 67,200            | 17.3%  | 4,727 | 12.12 | 3.76 | 31.05% | 19.45% | sell | sell |
| 10  | <a href="#">GMD</a>  | VND 77,600   | VND 79,100            | 1.9%   | 5,658 | 13.71 | 2.41 | 18.59% | 12.73% | buy  | buy  |
| 11  | <a href="#">SIP</a>  | VND 48,600   | VND 83,500            | 71.8%  | 5,594 | 8.69  | 2.44 | 26.89% | 4.90%  | sell | sell |
| 12  | <a href="#">STB</a>  | VND 68,400   | VND 63,200            | -7.6%  | 3,247 | 21.06 | 2.05 | 5.02%  | 0.36%  | sell | sell |
| 13  | <a href="#">REE</a>  | VND 47,400   | VND 76,500            | 61.4%  | 4,239 | 11.18 | 1.36 | 12.76% | 6.75%  | buy  | buy  |
| 14  | <a href="#">MCH</a>  | VND 139,200  | VND 155,700           | 11.9%  | 5,406 | 25.75 | 9.65 | 39.41% | 21.39% | sell | sell |
| 15  | <a href="#">DBC</a>  | VND 15,400   | VND 25,900            | 68.2%  | 2,679 | 5.75  | 0.78 | 14.35% | 7.15%  | sell | sell |
| 16  | <a href="#">PVT</a>  | VND 23,500   | VND 24,600            | 4.7%   | 2,758 | 8.52  | 1.28 | 14.90% | 6.44%  | buy  | buy  |
| 17  | <a href="#">HAH</a>  | VND 51,200   | VND 70,300            | 37.3%  | 6,980 | 7.33  | 1.89 | 26.59% | 13.95% | buy  | buy  |
| 18  | <a href="#">CTG</a>  | VND 29,750   | VND 40,100            | 34.8%  | 5,172 | 5.75  | 1.16 | 22.21% | 1.44%  | sell | sell |
| 19  | <a href="#">TPB</a>  | VND 11,900   | VND 20,300            | 70.6%  | 2,375 | 5.01  | 0.83 | 18.04% | 1.55%  | sell | sell |
| 20  | <a href="#">BID</a>  | VND 34,800   | VND 46,300            | 33.0%  | 4,259 | 8.17  | 1.40 | 16.48% | 1.00%  | sell | sell |
| 21  | <a href="#">VIB</a>  | VND 13,350   | VND 22,999            | 72.3%  | 1,990 | 6.71  | 1.04 | 16.22% | 1.33%  | sell | sell |
| 22  | <a href="#">PVD</a>  | VND 18,000   | VND 33,800            | 87.8%  | 0     | 17.20 | 0.98 | 5.35%  | 4.09%  | sell | sell |
| 23  | <a href="#">VCB</a>  | VND 57,100   | VND 72,800            | 27.5%  | 4,985 | 11.46 | 1.92 | 18.03% | 1.71%  | sell | sell |
| 24  | <a href="#">MBB</a>  | VND 19,100   | VND 34,200            | 79.1%  | 3,092 | 6.18  | 1.24 | 22.12% | 1.99%  | sell | sell |
| 25  | <a href="#">PVS</a>  | VND 33,500   | VND 48,200            | 43.9%  | 3,432 | 9.76  | 1.33 | 10.50% | 5.35%  | buy  | buy  |

\*Giá VHM mục tiêu là giá quy đổi tương đương với giá trong báo cáo trước thời điểm chia tách

# DIỄN BIẾN TTCK VIỆT NAM

Lịch sự kiện chứng khoán trong tuần tới

| Ngày GDKHQ | Mã CP      | Sự kiện                         |
|------------|------------|---------------------------------|
| 10/05/2026 | <b>DHC</b> | Trả cổ tức bằng tiền mặt 10%    |
|            | <b>DGW</b> | Trả cổ tức bằng tiền mặt 10%    |
|            | <b>NET</b> | Trả cổ tức bằng tiền mặt 65%    |
|            | <b>PSE</b> | Trả cổ tức bằng tiền mặt 10%    |
|            | <b>SD5</b> | Trả cổ tức bằng tiền mặt 7%     |
|            | <b>DHT</b> | Phát hành cổ phiếu 10%          |
| 10/06/2026 | <b>INC</b> | Trả cổ tức bằng tiền mặt 6,25%  |
| 10/07/2026 | <b>KDH</b> | Phát hành cổ phiếu 10%          |
|            | <b>MWG</b> | Trả cổ tức bằng tiền mặt 10%    |
|            | <b>BIC</b> | Trả cổ tức bằng tiền mặt 12%    |
|            | <b>CLM</b> | Đại hội Đồng Cổ đông bất thường |
|            | <b>SHN</b> | Lấy ý kiến bằng văn bản         |
|            | <b>MST</b> | Đại hội Đồng Cổ đông bất thường |
|            | <b>PIA</b> | Trả cổ tức bằng tiền mặt 15%    |

| Ngày GDKHQ | Mã CP      | Sự kiện                         |
|------------|------------|---------------------------------|
| 10/08/2026 | <b>ANT</b> | Phát hành cổ phiếu 20%          |
|            | <b>TNH</b> | Đại hội Đồng Cổ đông bất thường |
|            | <b>BSI</b> | Lấy ý kiến bằng văn bản         |
|            | <b>DVM</b> | Lấy ý kiến bằng văn bản         |
|            | <b>MDG</b> | Lấy ý kiến bằng văn bản         |
|            | <b>DPR</b> | Đại hội Đồng Cổ đông bất thường |
| 10/09/2026 | <b>AST</b> | Đại hội Đồng Cổ đông bất thường |
|            | <b>HTC</b> | Trả cổ tức bằng tiền mặt 3%     |
|            | <b>BTP</b> | Trả cổ tức bằng tiền mặt 5%     |
|            | <b>AGR</b> | Phát hành cổ phiếu 6%           |
| 10/12/2026 | <b>NTH</b> | Trả cổ tức bằng tiền mặt 15%    |
|            | <b>ONE</b> | Lấy ý kiến bằng văn bản         |
| 10/13/2026 | <b>TCO</b> | Lấy ý kiến bằng văn bản         |

## MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

### Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank

Tầng 25, tòa nhà VPBank, số 89 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 1900 636679

Email: cskh@vpbanks.com.vn

Website: www.vpbanks.com.vn

### Phòng Chiến lược thị trường

Email: Chienluocthitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS tại:

